

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu



WWW.VNTHHUQUAN.NET, 2006

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Giới thiệu

Trong các tác-phẩm của cụ Đồ Chiểu, có lẽ quyển Dương Từ Hà Mậu là ít được phổ biến nhất; tác-giả quá đề cao đạo nho, và đụng chạm tới Phật-giáo, Thiên-chúa giáo. Quyển Lục Vân Tiên được phổ biến nhất. Quyển Ngư tiều vắn đáp y thuật chủ yếu về y-học đông phương. Quyển tôi(SonVanNguyen) có được in theo giấy phép xuất-bản số 1252/XB, ngày 27-5-1964 của bộ thông-tin Việt-Nam. Quyển này do Phan văn Hùm hiệu đính.

Phản tiêu-sử xin xem ở quyển Lục-Vân-Tiên.

Biên ngôn

Lục Vân Tiên, Dương-Từ-Hà Mậu và Ngư Tiều Vắn-Đáp Y-Thuật là ba tác phẩm chánh của Đồ Chiểu. Ba tác phẩm ấy là ba tia nhánh của một khối nhiệt thành vì đạo nho, phóng ra trong ba thời kỳ, thành ba sắc tướng.

Lục Vân Tiên ra đời buổi nước nhà còn yên ổn, cho nên ý văn không thấy cảm về thời thế, chỉ thấy xót về thân thế.

Với Dương Từ- hà Mậu cuộc biến dâu đà chan- nhần, song le Đồ Chiểu còn tràn trề hy vọng cứu thời, cho nên lời văn hăng hái chiến đấu.

Đến Ngư Tiều Vắn Đáp Y thuật thời sự đã dĩ nhiên, không làm sao được nữa - Đồ Chiểu đành trông nơi y thuật cứu dân đỡ khổ tật bệnh mà thôi. Nơi truyện này, văn thoát tục và thoát trần (manh nha từ truyện Lục Vân Tiên) đã hoàn toàn bộc lộ.

Ấy, ba truyện, ba vẻ, nhưng chỉ một mạch, một dòng. Duy cái dòng ấy cũng như dòng sông mãnh liệt trên nguồn, càng lần xuống càng dịu, cho đến khi tới đồng bằng, thời lơ dờ, rồi xuôi ra biển cả mà mất luôn dưới những đợt sóng ùng ùng bất tuyệt từ xa rượt đuổi nhau cuộn cuộn nhau lướt vào.

Ngư, Tiều, ở Lục Vân Tiên, ở Dương Từ- Hà Mậu còn sinh nhai với tay lưới ngọn rìu.

Ngư Tiều trong Ngư Tiều Vắn Đáp Y Thuật đã rũ nhau giệp nghề mà sắm lấy dao cưa.

Ông Quán trong Lục Vân Tiên còn thương còn ghét. Lão Nhan Tứ Thất trong Dương Từ- Hà Mậu còn chỉ đục ngực thiên đàng. Kỳ Nhân Sư trong Ngư Tiều Vắn Đáp Y Thuật thời hết tưởng đến việc đòi "xông hai con mắt bỏ liều cho đui" để giữ lấy lòng đạo mà thôi.

Nỗi lòng Đồ Chiểu ai người hiểu chăng?

Nỗi lòng ấy, đừng tìm riêng trong truyện Lục Vân Tiên, mà phải tìm khắp tác phẩm Đồ Chiểu.

Văn chương Đồ Chiểu cũng không trở hết trong Lục Vân Tiên.

"Thi ngôn chí"

Đồ Chiểu không làm văn để làm văn. Trong Ngư Tiều Vắn Đáp Y Thuật cụ nói : "Ở đây nào phải trường thi,

"Ra đề hạn vận một khi buộc ràng ?

"Trượng phu có chí ngang tàng."

Đại để Đồ Chiểu có văn là có ý, có chí, không cầu chải chuốt giời mài cho đẹp, vì đẹp.

Tuy nhiên, hãy đọc Dương Từ- Hà Mậu, cũng thấy lắm câu hay. Như hỏi tuổi người gái sang trọng:

"Chưa hay hai gái hoa tươi,

"Đứng trong đào liễu đua cười mấy xuân ?"

Tả cảnh vang bóng thái bình, thời :

"Ven gành một nhăm hất hiu,
"Tiếng ngư trong núi, bóng tiều ngoài khơi !"

Còn sánh với câu Chinh phụ ngâm:

"sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,
"Muộn ôm dày hãy thổi làm cơm."

Câu văn của Đồ Chiểu rút gọn mà không kém bề hay :

"Xiết bao gió chớp mưa luôn,
"Chất sầu làm gối, nấu buồn làm cơm !"

Về chuyện thiên đàng địa ngục trong truyện Dương Từ- Hà Mậu hoặc có người cười dị đoan. Nhưng đây chẳng qua là tư tưởng chung của người mình ở thời xưa mà nay cũng chưa quên hẳn.

Và xem Tây phương thi sĩ cũng cho vào tưởng tượng chuyện địa ngục thiên đàng, để tượng trưng ý tứ. Như Divine Comédie của Dante, Faust của Goethe.

Gần đây ở ta, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có thơ hầu trời trong "Khởi tình con", rồi lại trong "Giấc mộng con thứ hai" còn lên trời gặp bao nhiêu là danh nhân ở hạ giới.

Về truyện Dương Từ - Hà Mậu ông giáo Nguyễn văn Nghĩ có viết trong báo Việt Nam, xuất bản ở Sài gòn, ngày 14 Novembre 1936 : "Khi cụ Đồ Chiểu mù, ở lại Tân-thuận-đông, tổng Dương-hòa-hạ trong hai ba năm, nơi nhà ông bạn, ông nhiều Lê Quang Thịnh (tên này là tên ở trong làng : khi đi thi người ta không kêu là Lê Quang Thịnh, mà kêu là Nhiều Cơ); ở đây muốn vui lòng ông bạn, luôn tiện để bênh vực đạo nho, cụ Đồ đọc quyển Dương Từ - Hà Mậu cho ông "Nhiều Cơ chép."

Ngoài lời trên đây của ông giáo Nguyễn văn Nghĩ, chúng tôi chưa thấy ở đâu có chỉ dẫn

rõ ràng hơn nữa về bốn truyện này.

Ngoài bản quốc ngữ của ông Nhiều Cơ, chúng tôi có được xem bản nôm của ông Hồ văn Lân, ở Cần giuộc (Chợ-lớn).

Bên trong còn nhiều nơi bất ổn, chúng tôi chẳng hài lòng. Nhưng chưa có may nào thấy được bản khác để mong lấy ở số nhiều giảm bớt sai ngoa, nên chúng tôi phải tạm trình bản sao lục này dưới mắt xanh của thức giả, cầu phủ chánh cho.

Phan Văn Hùm

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

255.- Hát rồi tay chống gậy lê,
Vai mang bầu rượu, lần về cõi tây.
Dương Từ đứng dưới bóng cây,
Hỏi rằng: Lão trượng làm thầy chi chẳng?
Lão rằng theo thói làm ăn,
Người con mắt tục, ai rằng thầy ai?
Từ rằng: Tán, kiệu, mào, đai,
Ngôi cao, quyền trọng, đồ ai không thầy?
Lão rằng: Ta ở chốn này,
Sáu mươi mấy tuổi, biết thầy nào đâu.
260.- Thánh xưa, trước mặt khôn cầu !
May còn người đạo ở đầu Tây lâm.
Dương Từ nghe chữ "Tây lâm".
Hỏi rằng: Phải kẻ đờn cầm, ca thi?
Chẳng hay người ấy tên chi?
Chẳng phen Sào Phủ, cũng bì Hứa Do.
Lão rằng: Khắp chốn giang hồ,
Ai ai chẳng biết Huyền Hồ tiên sinh?
Thấy người ta cũng bất bình:
Cớ sao cạo tóc, làm hình thầy tu?
265.- Từ rằng cám Phật ân sâu,

Không con mà lại cho cầu đăng con.
Lão rằng: Cầu Phật đăng con,
Xưa người Bá Đạo sao còn lo sau?
Cầu con mà phải cạo đầu,
Xưa ông Tử Hạ còn sầu làm chi?
Tù rằng: Trót đã qui y,
Việc ta, ta biết, can gì tới ai?
Dốc lòng tìm dấu Như Lai,
Trước sau giữ một lòng trai chẳng sờn.
270.- Gặp đây xin hỏi trượng nhân,
Cảnh chùa nào tốt, chỉ bản tăng đi?
Lão rằng: Chùa chẳng thiếu chi,
Hàn sơn, Lam thủy ít bì Thiên thai.
Thiên thai xa chốn trần ai,
Có chùa Linh diệu, có đài Âm dương.
Trong chùa lại có hai hang,
Một đàn Bích lạc, một đàn Diêm vương.
Thiên sư lòng muốn du phương,
Đông nam phía ấy là đường đi lên.
275.- Dương Từ khăng khăng chẳng quên,
Tạ ân lão trượng, lòng bền ra đi.

*

* *

Ngày xuân con én tri tri,
Tưởng câu "thủy tú, sơn kỳ" thêm vui.
Khói tan, ngút sạch, như giò,
Miệng hang, khe đá, nặc mùi chi lan.
Rõ ràng chín chục thiêu quang,
Gió thanh, mây lặng, vền vang một trời.
Mảng coi phong cảnh nơi nơi,
Ác vàng chen núi, khó dời đường chim.

280.- Trong non nhà cửa khôn tìm,
Dương Từ vào miếu, một đêm nằm nhờ.

*

* *

Miếu môn vắng vẻ như tờ,
Tối tăm, chẳng biết trong thờ thần chi.
Họ Dương vừa giấc ngủ đi,
Chiêm bao lại thấy quân tùy bắt ngang.
Quân rằng Vâng lệnh Phán quan,
Chữ đề trong thẻ, đòi chàng hỏi tra.
Họ Dương hồn gượng theo ra,
Vào nơi công phủ: một toà nghiêm trang.

285.- Ngồi trên thấy một ông quan,
Trước bàn hương án bày hàng bút nghiên.
Có người thơ lại ngồi biên,
Hai bên treo trống, treo chiêng, rõ ràng.
Trước sân lỗ bộ hai hàng,
Tả ban, hữu vệ, đứng giàn hầu xa.
Quân bèn dẫn họ Dương ra,
Trước sân cấm thạch quì mà nghe tra.
Quan rằng: Thằng sãi bôn ba,
Tối nằm cửa miếu vậy mà hỏi ai?

290.- Dám xưng rằng hiệu Thiện Trai,
Người trong Hoa hạ, hay người man di?
Tóc râu là dạng nam nhi,
Của cha mẹ đúc, can gì cạo đi?
Tổ tiên chút đã đền chi,
Vừa hương bát nước, nào khi phụng thờ?
Áo cơm còn nợ sờ sờ,
Lá rau con cá, ở nhờ đất vua.
Trốn sâu, trốn thuế, vô chùa,

Trong đời những sãi: thời vua nhờ gì?
 295.- Vợ chồng sao bỏ nhau đi?
 Lời nguyên đường ấy dám khi quỷ thần !
 Ba giềng chẳng đặt một phần,
 Như vậy cũng tiếng là thân con người.
 Để bây sống cũng như đời,
 Truyền quân đao phủ dẫn nơi pháp đình.
 Họ Dương khiếp vía hồn kinh,
 300.- Dương Từ thức dậy nửa đêm,
 Nghĩ thôi mới biết một điềm chiêm bao.
 Gẫm trong có sự ngán ngao,
 Cát, hung, chưa rõ lẽ nào thân sau.
 Vàng ô vừa ló khỏi đầu,
 Dương Từ vào miếu thấy câu chữ đề,
 Ngó lên trên biển ngạch đề,
 Rằng: **Đường Hàn tử Xương Lê** chi thân.
 Than rằng: Đã hiển thành thần,
 Ngay vua, nào nại tâm thân mất còn.
 305.- Lại xem đôi liễn sơn son,
 Hai câu tương đối, treo còn tới nay.

Liễn rằng:

*Một sách "Đạo Nguyên" lừa mắt thánh;
 Ba tờ "Phật Biểu" chát tai vua.*

Dương Từ than thở, khen hay,
 Người ngay lại có liễn ngay đề đời.
 Lòng son một tấm thấy trời,
 Những đoàn gian nịnh dối đời sao xong.
 Cho hay người đặt chữ "trung",
 Dầu sau muôn kiếp, sắc phong, miếu thờ.

Vái rằng: Bần sãi ngẩn ngơ,
 Lỡ đàng nên mới tạm vợ miếu thần.
 310.- Tạ ơn, bốn lạy kính dâng,
 Chắp chi bần sãi, lạc chừng vân du.
 Từ nay khỏi cửa công hầu,
 Chim trời cá nước, mặc dầu ngưỡng chiêm.
 Đi rồi nghĩ lại giận thêm,
 Rằng đêm trong miếu thấy diêm chiêm bao.
 Ghi lòng vàng đá, chớ nao,
 Những điều mộng **huyền**, nghĩ nào mà tin.
 Đi hơn mười dặm đứng nhìn,
 Đường về tây bắc cảnh in quê nhà.
 315.- Nghĩ mình từ thuở xuất gia,
 Tới nay kẻ đã đăng ba năm trường.
 Người: Thời chê lỗi cương thường,
 Thần: Thời bắt tội, lỗi đường hiếu trung,
 Biết tu mấy kiếp cho xong !
 Làm người rất thẹn đứng trong cõi người !
 Tu chi trời đất hỏ người,
 Thần hờn, quỷ giận, sĩ cười, dân chê.
 Tưởng đi, rồi lại tưởng về,
 Về: Thời lại hỏ bò-đề trong tay.
 320.- Tương, dưa, rau, muối, cơm chay,
 Công phu uổng phí xưa nay **cúng đường**.
 Đi: Thời lại sợ lầm đường.
 Thế gian đàm tiếu mọi đường thị phi.
 Dừng dằng: lỡ ở, lỡ đi,
 Bàn lui, bàn tới, lẽ gì chưa xong.
 *
 * *
 Xảy vừa tới chốn **tang trung**,

Thấy tam kỳ lộ trong lòng sanh nghi.
Một mình đứng giữa tam kỳ,
Ngó nam, ngó bắc, đường đi chưa rành,
325.- May đâu thấy một cổ đình,
Ở bên đường cái, hiệu "Thanh Phong Đình".
Trong đình không thấy thần linh,
Đề cho thương khách lộ trình nghỉ ngơi.
Dương Từ vào đó xem chơi,
Thấy câu liễn đối, thật lời cổ nhân.

Liễn rằng:

*Đường đi ba ngã người Châu khóc;
Tơ trắng hai màu gã Địch than,*

Dương Từ xem liễn đối rồi,
Trong lòng ngẫm nghĩ một hồi giải ra.
Giải rằng: đường có ngã ba,
Một qua bắc khứ, một qua nam hành.
330.- Bàn rằng: Tơ trắng sạch mình,
Màu vàng cũngặng, màu xanh chói từ.
Làm người: nay thật, mai hư,
Lòng không quyết một, cũng như liễn này.
Hỡi ôi ! chí dốc chơi mây,
Mùi thiền đã nếm bấy chầy cũng nên.
Giữ lòng kim thạch cho bền,
Chớ nghe lời tục, mà quên đạo mình.
Giã ơn câu liễn trong đình,
Khiến ta quyết một lòng thành đi tu.
335.- Từ đây mới dứt dạ sầu,
Dốc tròn cửa Phật, chẳng âu tiếng người,

*

* *

Thiên thai chùa ấy gần vời,
Dương Từ đón khách hỏi nơi cho rành.
Phút đâu trên đám dâu xanh,
Gió đưa tiếng hát, như hình có ai.

Hát rằng:

*Đoái sông Nghiêu buổi chiều lặng sóng,
Lúc sang giàu dù lộng nghinh ngang.
Bến Hà châu đôi chim cưu đậu,
Buổi nghiêng nghèo có bậu, có qua.
Ngọn gió đưa một ngày một khác,
Ta nhớ người câu hát thể tần.
Bến đò xưa bạn đưa đã trống,
Xảy nhớ người thổi ống phụng sanh.*

Dương Từ nghe tiếng hát rân,
Chon bước lại gần, dựa nhánh dâu coi.
Thấy hai con gái mang gùi,
Hái dâu đã rồi, sắm sửa hồi trang,
340.- Dương Từ nhắm vóc hai nàng,
Chùng vài mươi tuổi, dung nhan tầm thường.

Hỏi rằng: Kỳ lộ nhiều phương,
Lên chùa Linh diệu biết đường nào đi?

Đáp rằng: Hòa thượng hỏi chi?
Ta là phận gái, biết gì chùa đâu.
Để tằm, lo việc hái dâu,
Kéo tơ, dệt lụa, phận đầu nữ công,
Thầy tu muốn hỏi đường thông,
Phải tằm bà vãi, tây đông mới tường.

(Lược, bỏ hai câu)

347.- Nói thôi mang gió về xuôi,
Dương Từ còn đứng ngậm ngùi thở than.
Làm thân bà vãi gian nan,
Đã là đầu trọc, còn mang tiếng cười.

*

* *

Gái kia chẳng chỉ đường nơi,
Đánh liều, phương nhắm phía trời đông nam.

350.- Đi vừa tới Bạch vân Nham,
Có tòa cổ miếu cổ, mây doanh bốn bề.
Ngó lên trên cửa chữ đề:
"Hiếu Từ" hai chữ, son phê chói lòa.
Lại câu đối liễn treo ra,
Dương Từ trộm thấy, lòng đã sanh nghi.

Liễn rằng:

*Đói rách lòng không hờn mẹ ghẻ;
Lạnh đau dạ chẳng trách cha lành .*

Thấy câu liễn đối mà thương,
Cho hay: con thảo nhiều đường gian nguy.

355.- Muốn vô coi tượng thờ chi,
Lại e linh ứng, như kỳ chiêm bao.
Trở ra, rồi lại trở vào,
Thấy câu liễn đối, đi sao cho đành !

*

* *

Xảy nghe bên cụm cây xanh,
Có người đốn củi lạnh chanh hát rằng:

Hát rằng:

*Núi non đây nhiều cây nghinh ngang.
Dọn trống đường nhờ cán búa ta.
Búa trong tay, liền ngày đón củi,
Vui rừng trời tránh buổi loạn ly.
Cội cây yêm phải tìm núp bóng,
Mặc người đời dù lọng nghinh ngang,*

Dương Từ nghe hát mấy lời,
Xăm xăm bước tới, thấy người tiều phu.
Hỏi rằng: Nhà cửa ở đâu?
Biết trong miếu ấy, công, hầu, bậc chi?
360.- Tiều rằng: trong miếu Hiếu từ,
Thờ ông Mẫn tử thuở kỳ xuân thu.
Học theo đạo thánh ngày lâu,
Hiếu từ đức hạnh ở đầu tứ khoa.
Hết lòng thảo với mẹ cha,
Người ngoài cho đến trong nhà đều khen.
Thuở xưa đương lúc khó hèn,
Ấu thơ mẹ mất, cha bèn thú thê.
Từ ngày có mẹ ghê về,
Để hai con nhỏ, cha kẻ áp yêu.
365.- Mẹ thương con ruột phần nhiều,
Ấm thân con ghê bỏ liều như không.
Đói, no, lành, rách, mặc lòng.
Ăn theo đầy tớ, nằm cùng chăn trâu,
Tử Khiên không dạ oán sầu,
Phải sao hay vậy, trọn câu hiếu hòa.
Gặp khi cha khiến đẩy xa,
Thấy con áo rách, giận bà hậu thê.
Cha bèn vội vã trở về,
370.- Trách bà mẹ ghê, toan bề để ra.

Tử Khiên than khóc, lạy cha.
Xin dung một mẹ, mới hòa ba con.
Rách, lành, chẳng sá một con,
Hai con thơ ấu, mẹ còn mới nên.
Thảo thân một tấm lòng bền,
Cảm tình, mẹ ghẻ chẳng quên con chồng.
Nhớ câu "hiếu để thành phong".
Người trong nước Lỗ đều mong học đời.
Sắc phong một thuở hãnh hời,
"Hiếu Từ" hai chữ, dấu roi để đời.
375.- Ta đây một họ cùng người,
Kêu bằng ông tổ ba mươi bốn đời,

*

* *

Từ rằng: Xin hỏi vài lời,
Người ta vốn thật dòng người trâm anh.
Sao không ra lập công danh,
Noi theo nghiệp tổ, hiển vinh mà nhờ?
Tiền rằng trước mặt sờ sờ,
Xưa qua, nay lại, để chờ đợi chi?
Đưa theo hai chữ "trưng khi",
Trên quyền, dưới lợi, đoái gì thiên luân !
380.- Nước thời chia bốn năm phần,
Can qua chẳng biết mấy lần đánh nhau.
Trong thời gian nịnh giùm đầu,
Ngoài thời đua mị, đua cầu tham quan.
Chánh ra dữ quá cộp vàng,
Lòng dùng độc quá hổ mang, thường lường.
Bốn phương mọi rợ luôn tuồng,
Nay giành ải hổ, mai ruộng ải lang.
Nơi nơi trộm cướp đầy loạn,

Lê dân hết sức, của tan chẳng còn !
 385.- Cõi trong trời đất thon von,
 Khói mây đen nghệt, nước non đau sầu.
 Biết đời tam đại là đâu,
 Gặp khi thúc quý phải âu lảnh mình.
 Từ rằng bờ cõi thịnh thình,
 Chẳng tham danh lợi, lảnh mình chớ lo.
 Ở trong tạo hóa một lò,
 Thiếu chi nghề nghiệp, bo bo theo tiêu?
 Tiêu rằng: Cửa thánh gương treo,
 Dùng đời chẳng đặng, thời theo đời dùng?
 Khéo khôn ắt có mỗi lòng,
 Mỗi lòng rồi lại mắc vòng hỏa tai.
 Thử coi con thú vật ngoài,
 Như voi như cọp, mấy ai dám bì?
 Voi kia cao lớn đen sì,
 Cặp ngà vô dụng: can chi luy mình
 395.- Cọp kia nanh vuốt như binh,
 Tấm da vô dụng: ai rình đâm chi?
 Lấy trong việc ấy mà suy,
 Những nghề đời dụng, ra gì xưa nay !
 Ta nhờ cán búa trong tay,
 Theo nơi rừng bụi, tháng ngày thanh thoi.
 Bữa dùng một gánh củi trời:
 Cá, cơm, rượu thịt, tháng ngày cũng no.
 Giữa câu "phù ngưỡng" bo bo,
 Kính thờ trên dưới, miễn cho xong mình.
 400.- Xin đừng hổ với thần linh,
 Cùng người đừng thẹn, uống sanh trong đời.
 Xin đừng khi dối lẽ trời,
 Cũng đừng trốn lánh việc đời thời xong.

*

* *

Dương Từ nghe nói hồ lòng,
Khen rằng: Lão trượng thật lòng hiền xưa.
Ta đà lánh cõi mây mưa,
Cớ trêu tắc dạ, lại ưa mùi thiền.
Thiên thai dốc kiếm chùa tiên,
Chưa thông đường sá, dám phiền chi ta.
405.- Tiều rằng: Có chi nam xa,
Chớ lo đạo lỗi, lo ta lầm đàng.
Đây đi xuống bến Châu giang,
Ngang qua sông ấy, lên đàng Thiên thai.

*

* *

Dương Từ vội vã trở hải,
Từ biệt non đoài, nương gậy thiền đi.
Dưới trời nhiều vật so my,
Nghĩ ra nhiều thói dị kỳ mà kinh.
Những người ngay thẳng đều vinh,
Thân tuy đã mất mà danh hầy còn.
410.- Bảng vàng, thẻ bạc, chữ son,
Bao nhiêu vinh hiển, là con nhà hiền.
Tiều phu là đứa không tiền,
Gẫm trong lời nói có duyên hơn vàng.
Hỡi ôi ! mấy kẻ giàu sang,
Mảng tham vui sướng, quên màng thân sau.

*

* *

Dương Từ đi đến sông Châu,
Ngẩn ngơ nào biết đò đâu đưa mình.
Ngó lên trên khúc sông quanh,

Thấy bên vực thẳm có manh cô bông.
415.- Một người đứng giữa khoang lồng,
Khua chèo miệng hát, gió lồng tiếng vang.

Hát rằng:

*Bến sông Châu, vực sâu, cá ở,
Thương người hiền gặp thuở loạn ly.
Nước vận quanh, bãi gành chảy cạn,
Thấy anh hùng hoạn nạn khá thương !
Chiếc thuyền câu, đậu đâu nên đó,
Nước ly loạn, giàu có màng chi?*

Dương Từ nghe tiếng hát kỳ,
Bước lên trên vực, coi thì thể nao.
Mình hơn tám thước rất cao,
Mặt đen râu quăn, khác nào võ phu.
Dương Từ bước xuống ngư chu,
Xin đưa qua bến, sẽ âu hoàn tiền.
Ngư rằng: Người ở chùa chiền,
Đi đâu nên nổi, mà phiền ta đưa?
420.- Nhắm hình chẳng phải người xưa;
Lánh nơi hoạn nạn, tới trưa lỡ làng.
Ta nghe trong chôn Lư giang,
Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ Viên.
Lại nghe đình trường dừng thuyền,
Chở ông Hạng Vũ qua miền Ô giang.
Hai người vì bởi lánh nạn,
Một lo rửa oán, hai toan rửa thù.
Sợ đời bắt kẻ tóc râu,
Nào ai bắt đũa trọc đầu làm chi?
425.- Nói rồi ra lẽ thị phi,

Dễ đưa qua đó, tiếc gì công ta.

*

* *

Cầm chèo thông thả đưa qua,
Dương Từ, đến bến, tính ra tiền dò.
Ngư rằng: Lòng chẳng bo bo,
Phòng tham tiền bạc so đo với người.
Trót đà làm phải trên đời,
Ngàn vàng chẳng bấu, một lời rất sang.
Từ rằng: Ta tiếc cho chàng,
Chẳng phen lương đồng, cũng trang anh hùng.
430.- Nghe rằng nước Tấn chinh đông,
Cầuặng **võ sĩ ra công can thành**.
Cớ sao chẳng xuống **Tây kinh**,
Phò vua giúp nước, lập danh để đời?
Cá tôm đặng mấy mươi lời,
Theo nghề chài lưới, quên nơi sang giàu?
Ngư rằng lời khéo phỉnh nhau,
Ai từng khát nước gỏi đầu bờ ao?
Người nay có khác xưa nào,
Đất dày thăm thẳm, trời cao mù mù.
435.- Bốn mùa thành quách làm sâu,
Dân gầy, nước ôm, mỡ, dầu, cũng khô,
Thấy đời danh lợi biến phôi,
Khác nào con cháu nhảy vô vòng đèn.
Từ rằng: Xưa sách còn khen,
Công thành danh toại, ai bèn chi ai?
Ngư rằng: Xưa đáng hiền tài,
Lập thân há chẳng biết tài bảo thân.
Dầu vinh cũng tiếng nhân thần
Trâu cày ngựa cỡi, cái thân ra gì?

440.- Chớ ăn lộc nước đời suy,
Bẫy chim, lưới thỏ, e khi mắc nài.
Trời ai ra sức muông săn,
Một mai **hết thỏ, chúng ăn tới mình**.
Sao bằng một cõi an sanh,
Sông sâu vực thẳm, ai giành chi đây?
Sẵn dòng chèo quế một cây,
Thuyền mang một chiếc, đỡ ngày hôm mai.
Theo sông khúc vắng khúc dài,
Năm ba sợi nhợ, một vài cần tre.
445.- Đêm trắng ngày gió, bạn bè,
Vui câu hát xướng, buồn ve rượu đào.
Thả trôi gành hạc, bãi ngao,
Thú vui non nước, mặc dầu nghinh ngang.
Cá tôm sẵn lộc trời ban,
Phận đà no đủ, còn màng của chi?

*

* *

Nói rồi thông thả chèo đi,
Dương Từ khen đó tính **ky** lâu dài.
Than rằng: Thương đứng anh tài,
Sanh không gặp thưở, khó nài thân sau:

450.- Hỡi ai lộc trọng quyền cao !
Thú hèn cũng có anh hào, chớ khinh.

*

* *

Họ Dương từ thưở đăng trình,
Trải chơi non nước sự tình biết bao.
Đi hơn nửa tháng lao đao,
Đến nay mới thấy đường vào Thiên thai,
Thiên thai một cảnh an bài,

Dương Từ mới tới, ở ngoài động môn.

*

* *

Lúc này người ở động môn,
Tên là Hà Mậu, trí khôn, người hiền.
455.- Theo cùng ông Lý tri Niên,
Từ non Tùng lãnh vào miền Thiên thai
Đi đà hơn nửa tháng dài,
Phút đầu lộ thấy gần ngoài động môn.

Tri Niên, lừa thả bên non,
Cùng người Hà Mậu đều lòn cửa hang,
Hai người ra khỏi cửa hang,
Đến nơi động khẩu gặp chàng họ Dương.

*

* *

Họ Hà, họ Lý, họ Dương,
Ba người gặp hỏi, mới tường tánh danh.
460.- Niên rằng: Tiên cảnh rất linh,
Họ Dương người hãy ở đành lại đây.

Chờ ta tới trước am mây,
Lên chùa Linh diệu thăm thầy Lão nhan.

Dương Từ nghe nói vội vàng,
Thưa rằng xin đó đem đàng ta đi.

Niên rằng: người vốn thiền sư,
Tới nơi tiên cảnh cầu chi chẳng là?

Từ rằng: nghe tiếng đồn xa,
Rằng chùa Linh diệu một toà ở đây.

465.- Niên rằng: Linh diệu chùa này,
Vốn không thờ Phật mà lấy tới thiền.

Từ rằng không Phật, có Tiên,
Xin cho đặng thấy, phi nguyên **chơi mây**.

Niên rằng: Hai gã ở đây,
Để ta tới trước Động Mây một giờ.
Lâu, mau, sao vậy cũng chờ,
Cho tin xuống rước kịp giờ sẽ hay.
Niên rằng: Đường lên trên thầy,
Mây tuôn mù mịt đá vầy nhỏ to.

*

* *

470.- Dương Từ Hà Mậu đều lo,
Ngồi trong cửa động lò mò hỏi nhau.
Mậu rằng : Tiếc đó đi tu,
E khi cửa Phật công phu lỡ làng.
Ta nghe Phật ở Tây phang,
Vốn người mọi rợ, luân thường chẳng ưa.
Lại nghe tam đại đời xưa,
Dân an, nước trị, Phật chưa bày hình,
Đến năm đời Hán Vĩnh Bình,
Sứ qua Thiên Trúc rước kinh Phật về,
475.- Tới sau Lương Vũ rất mê,
Lập chùa tượng cốt, chuyên nghề sử trai.
Ngụy, Trần, Tề, Tống đến nay,
Đời đời nào cũng trọng thầy sa môn.
Trên vua đến dưới dân thôn,
Đua nhau kính trọng một môn phù đồ,
Quì hương, chầu tế, nam mô.
Tới lui tăng đạo, ra vô Phật đường,
Bao nhiêu theo đạo Tây phương.
Phước lành chưa thấy, tai ương tới mình,
480.- Trên thời nghiêng nước nghiêng thành,
Dưới thời nhà cửa tan tành xiết bao !
Phật linh mấy cứu ai nào,

Người nay sao hãy lòn vào Thích gia?
Tù rằng : Người chớ giấu ta,
Đạo nào nên trọng, nói mà nghe chơi?
Mâu rằng; Ta trọng đạo Trời,
Tới nay đãặng năm đời Gia tô.
(Lược)

Chú thích:

Bá Đạo: tên tự của đảng Du, người đời tấn, thời Kiến hưng làm thái thú Hà đông. Gặp buổi Thạch Lặc Làm loạn (năm 314 tây nguyên) Bá Đạo chạy trốn, đem theo vợ con và một đứa cháu, là con của em trai mình. Dọc đường gặp giặc, kẻ khon lương toàn; nghĩ em mình mất sớm, chỉ có một con nối dòng, bèn khuyên vợ bỏ con ruột mình. Vợ khóc mà vâng lời. Đứa nhỏ ,bỏ mai chiều lại gặp.Bá Đạo phải bắt trời vào côi cây. Từ khi bỏ con rồi vợ Bá Đạo không thai dựng nữa. Bá Đạo cưới thiếp, rất yêu người thiếp, chẳng ngờ hỏi ra là cháu của mình. Bá Đạo từ đấy không nạp thiếp. Chết không người kế tự.

Đường Hàn tử Xương Lê: Hàn Xương Lê : Hàn Dũ, có dâng biểu bác đạo phật, **huyền:** Chữ huyền quen đọc là ảo.

cúng dường: chữ cung dưỡng đọc khác giọng.

tang trung: Trong đám dâu.

Đường đi ba ngã người Châu khóc;

Tơ trắng hai màu gã Địch than: Dương Châu, Mặc Địch.

Cặp ngà vô dụng: Đây là câu văn nghị nghị, có ngằm một chữ "nếu" ở đầu câu.

Tám da vô dụng: Đây là câu văn nghị nghị, có ngằm một chữ "nếu" ở đầu câu.

Chớ lo đạo lỗi: Đạo nghĩa là đảng.

so my: Hai chữ "so my" này chưa chắc đúng.

Hai người: Ngũ Viển và Hạng Vũ. Dương Từ không phải như hai người người xưa ấy.

võ sĩ ra công can thành: Kinh Thi nói : "Công hầu can thành".

Tây kinh: Đời Ngũ Đại, nhà Tấn lấy Lạc Dương làm Tây kinh

hết thỏ, chúng ăn tới mình: Thỏ tử cầu phanh. hết thỏ rồi người ta ăn thịt tới con chó (muông) săn.

ky: cơ.

Tri Niên, lừa thả bên non: Lừa của Tri Niên cỡi.

chơi mây: vân du.

Niên rằng; Đường lên trên thầy: Chỗ này chắc có nhảy câu, nên chi mới có chữ "Niên rằng". nếu lý tri niên đương nói luôn vọt, thời không phải lặp lại hai chữ "Niên rằng".

Hán Vĩnh Bình: Năm 65 tây nguyên, đời hán Vĩnh bình vua sai sứ bộ Thái Âm qua Ấn độ cầu Phật pháp. năm 67 sứ bộ về đến Trung quốc.

sa môn: cramana dịch âm sa môn (thầy chùa).

phù đồ: dịch âm chữ Buddha (Phật).

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

502.- Họ Hà đương gẫm lời hay,
Phút đâu chim hạc lại bay xuống liền.

Hóa ra đồng tử có duyên,
Tay cầm hai trái đào tiên, miệng cười.

Bảo rằng: Hai trái, hai người,
Ăn rồi mới biết là người đại khôn.

505.- Ngày nay đã tới hoàng hôn,
Hai người đi khỏi động môn hành trình.

Theo ta tới Bích phong Đình,
Ở trong hang đá nghỉ mình một đêm.

Rạng mai có kẻ xuống tìm,
Đem lên Vân động, mưa hiềm đợi trông.

Tiểu đồng dạy bảo vừa xong,
Hóa ra chim hạc, thỉnh không bay về.

Hai người mắt thấy lòng ghê,
Khen rằng: Tiên đạo có bề thần linh.

*

* *

510.- Phông chừng đương lúc sơ canh,
Ngó ra thấy bóng trăng thanh bên trời.

Băng luân một tấm lộng khơi,

Non sông muôn nước bóng ngời lòng soi.
 Hai người lẳng lặng ngồi coi,
 Ngó ra cửa động, bóng soi như ngày.
 Vẳng nghe có tiếng vang đầy,
 Rần rần ngựa gió, xe mây chập đàng,
 Trước đi kiệu bạc, tán vàng,
 Trong che phủ phát, ngoài giàn quạt tiêu.
 515.- Đền ngân, đuốc ngọc, rất nhiều,
 loà nơi cửa động, hương thiêu nức nồng.
 Ngõ là Thiên tử ngự phong,
 Gấm trong nghi vệ, cũng đồng thần tiên.
 Họ Hà xem thấy sợ liền,
 Than rằng: Mỗi đạo linh thiêng như vậy!
 Anh tu cũng tiếng ông thầy,
 Theo làm tôi Phật, bấy chầy thấy không ?
 Từ rằng: Cốt mộc, cốt đồng,
 Tượng hình, đúc tượng, ngồi không trên bàn.
 520.- Ta thường sớm tối đèn nhang,
 Thấy ma, thấy quỷ, chàng ràng trêu người.
 Phật không thấy nói thấy cười,
 Thấy không đi đứng cùng người thế gian.
 Chạnh lòng ta mới hỏi chàng:
 Lâu nay về đạo Hoà lan thấy gì ?
 523.- Mậu rằng thấy bức ảnh ghi...
 (Lược)
 526.- Trót đà bị chúng chê cười,
 Vậy nên phải tới gặp người tiên tri.
 Từ rằng: Gặp kẻ tiên tri,
 Ta xin hỏi đạo từ bi cho tường.
 Hai người ngồi hãy đương bàn,
 Nghe chùa Linh diệu chuông vàng rộn rung.

Xây vừa tới lúc hùng đông,
Tri Niên đã xuống Bích Phong Đình rồi.

530.- Nói rằng gặp tiết giao bôi,
Chư tiên hội yến vào hồi canh ba.

Mậu rằng: Chiều bữa hôm qua,
Có người đồng tử cho ta ăn đào.

Chẳng hay duyên có làm sao,
Khiến ta ăn đào, tránh chốn động môn.

Niên rằng: Nơi cửa động môn,
Ngày lành, tháng tốt, để: buồn, tiên chơi.

Hai người lòng dục chưa rời,
Còn con mắt tục, dòm người chẳng linh.

535.- Có ăn hai trái đào xinh,
Rửa lòng nhân dục, trong mình mới an.

Chư tiên nay đã hồi loan,
Ta xin dẫn lộ hai chàng đi lên.

*

* *

Dương Từ Hà Mậu đi liền,
Tới nên Vân động ngựa lên xem trời,
Thấy người đồng tử truyền lời,
Rằng: Ba người hãy tạm nơi động này.

Tôn sư giấc mộng đương say,
Chờ khi thức dậy, mới hay lẽ nào.

540.- Hai người ở động mây cao,
Nhìn xem cảnh vật biết bao nhiêu tình.

Kỳ hoa, thoại thảo, xanh xanh,
Châu cầm ngọc thú, rập rình vui thay!

Nền chùa cao quá vằng mây,
Bên thềm đá gấm, bóng cây im lìm.

Ngó vô mấy bức châu liêm,

Mấy từng thơ họa, trang nghiêm muôn phần.

Ngó ra non núi mấy từng,

Hình long dạng phụng, bên churn đứng châu,

545.- Đông, tây, son đỏ hai lầu,

Chuông vàng, khánh bạc, giàn hầu rất ngoa.

Cúi xem về cõi giới ba,

Một bầu trời đất giống là *nửa châu*.

Từ rằng: Có chí vân du,

Đến đây mới đặt khối hầu bụi nhơ.

Niên rằng: Ta thuở ấu thơ,

Có lòng tầm đạo bây giờ thành thời,

*

* *

Phút đâu đồng tử ra mời,

Rằng: Tôn sư dậy, ngồi nơi hiên đào.

550.- Ba người khép nép bước vào,

Tới nơi hiên đào nghe tiếng ngâm thi,

Thi Rằng

Dốc tâm đạo, phải ở đâu xa ?

Gội tắm lòng người, có giải ra,

Theo nghĩa; bao đành làm phản nước ?

Có nhân: nào nữ phụ tình nhà ?

Xưa nay đều chuộng đường trung hiếu,

Sách vở còn ghi lẽ chánh tà.

Năm phẩm rùng Nho sẵn sóc lấy,

Ấy là đạo vị ở lòng ta.

Ba người nghe tiếng ngâm rồi,

Vào trước chỗ ngồi, quì xuống vòng tay.

Tri Niên lạy trước, lời bày,

Thưa rằng: Ngây dại xin thầy dạy phò.

Lão Nhan biết lũ mê đồ,

Hỏi rằng: Hà Mậu nói phò việc gì ?

Mậu rằng: Tôi thật ngu si,

Chẳng hay đời trước có chi lắm đàng ?

555.- Thầy rằng: mê đạo Hòa lan,

Trong tấm lòng chàng ước việc gì nên!

Mậu rằng: Lòng chẳng dám quên,

Một lời sau thác đăng lên Thiên đàng.

Lão Nhan giẹp chuyện hòa lan,

Hỏi rằng: Kia gã họ Dương thừa gì ?

Mấy năm học đạo từ bi,

Vân du đã chán, việc gì đến đây ?

Từ rằng: Vì việc chơi mây,

Mang lời phải quấy, thêm ngày trong tai.

560.- kiếp sau là kiếp lâu dài,

Biết theo đạo Phật trọn bài cùng chẳng ?

Sư rằng: Kinh Phật, trọng tăng ,

Tác dạ nằng nằng tin tưởng việc chi ?

Từ rằng: Theo đạo từ bi,

Nhớ ngày sau thác, đăng kỳ siêu thăng.

*

* *

Lão nhan ngồi ngẫm nghĩ rằng;

Hai đường đều muốn chữ "thăng lên trời".

Ta nay nói cũng uống lời,

Chi bằng cho thấy lẽ trời mới tin.

565.- Dặn rằng: Hai gã lòng bền,

Đều mong sau thác đăng lên nhà trời.

Chùa đây có ngõ lên trời.

Chi bằng bước tới xem chơi một hồi.

*

* *

Hai người nghe nói mừng vui,
Phút quên mình sống, còn ngồi dương gian,
Thưa rằng: Đây có Thiên đàng,
Hai tôi xin tới du quan vài giờ.
Sư rằng: Hồn sạch phách nhơ,
Xác phàm còn sống, khó mơ lên trời.
570.- Ta nghe trong phép chúa Trời,
Cầu hồn cũngặng về nơi Thiên đàng.
Lại nghe có phép Địa Tạng Vương,
Siêu hồn sải vãi về phương tây trời.
Hai người nay muốn lên chơi,
Xác phàm ở lại, hồn dờ mới xong.
Ta đây có phép thần thông,
Xuất hồn rồi lại ra công hoàn hồn.
Hai người lại trước đài môn,
Giờ lành ta sẽ xuất hồn cho thăng.

*

* *

575.- Lại kêu ông Lý dặn rằng:
Rừng y gắn vó chi bằng cỗ nhân,
Hôm nay là bữa lương thần,
Sửa sang vị thuốc, lo phần luyện đan,
Tri Niên việc thuốc đã an,
Ở chùa Linh diệu thanh nhàn coi chơi.

*

* *

Dương Tử, Hà Mậu vâng lời,
Theo người đồng tử tới nơi Dương Đài.
Dương Đài có tấm bia bài,

Đề câu "Thiên thượng khả giai rõ ràng.

580.- Hai chàng bước tới xem tường,
Từng từng mây gợn bốn phương trên trời

Mậu rằng: Theo đạo chúa Trời,
Thiên đàng dành để trọn đời mới lên.

Phen này hồn sống đứng lên,
Tìm ông cha trước, cầu xin đem về.

Đặng cho thiên hạ thấy ghê,
, Còn chi người tục nói nghề phải chăng.

Từ rằng: Giận tiếng lãnh nhăng,
Nó chê ông Phật là thằng man di.

585.- Lên trời dầu thác cũng đi,
Tìm cho thấy Phật xin trừ phép linh.

Phép chi đặng phá miếu linh,
Bắt người đạo sĩ mới đành dạ ta.

Phút đâu đồng tử bung ra,
Mâm đào lại với bình trà dâng cho.

Bảo rằng ăn uống cho no,
Xuống khe tắm gội, rồi cho lên trời.

Hai người đều phải nghe lời,
Ăn no tắm mát, ngồi chơi nửa giờ.

590.- Tôn sư coi đã gần giờ,
Tới đài, cầm viết vẽ tờ bùa linh.

Dạy rằng: Giờ ngọ, chữ canh,
Mộng sàng hai gã đem mình nằm an,

Kim đan cho uống hai hoàn,
Linh phù hai đạo, sứ mang theo mình.

Tôn sư đốt lá bùa linh,
Hoàng cân Lục sĩ hiện hình chờ sai.

Lại biên một cái tín bài,
Đề rồi tên họ của hai người phạm.

Dạy rằng: Chờ hết canh tam,
Chín trời đi khắp, rồi đăm trở về.
Tín bài đã có phù đề,
Cầm đưa các cửa đặng bề đi thông.

*

* *

Các lời dạy bảo vừa xong,
Hai chàng Lục sĩ thỉnh không tàng hình,
Tôn sư lại niệm chú linh,
Cấp như luật lệnh âm binh đứng hầu.
Mây đen, khói mịt, ngút mù,
Gió, mưa, sấm, sét, giây lâu mới tàn.
600.- Hai người nằm lại mộng sàng,
Thiu thiu nhắm mắt ngủ an một buồng,
Tôn sư đã đốt phù giòn,
Dương Từ, Hà Mậu, xuất hồn ra đi,

*

* *

Hai người đều xuất hồn đi,
Đều theo Lục sĩ một khi lên trời.
Hai người hồn đến cõi trời,
Thấy trong cảnh vật khác nơi cõi người.

*

* *

Trời đông một cửa xanh ngời,
Có tấm biển trời, hai chữ "Thanh Thiên".
605.- Hai cung Chân, Tôn, đoàn viên,
Mộc Tinh, các phủ, đóng liền, giảng giảng.
Đi đường Giáp, ất, thặng băng,
Có thần gìn giữ, tên rằng Thanh Long.

*

* *

Hai chàng trình tín bài xong,
Đem nhau tìm kiếm, hỏi dòng họ xưa.
Áo xanh quân đóng như mưa,
Cầm cờ xuân lệnh rước đưa Thành Hoàng.
Mới hay thứ nhất Thiên đàng,
Thật vua Thanh đế, ngôi vàng chánh đông.
610.- Giữ gìn muôn việc hóa công,
Nhờ ơn gây dựng, vun trồng mùa xuân.
Hai chàng vội vã dời chân,
Trời đông chẳng thấy, qua tầng trời nam.

*

* *

Trời nam một cõi ly tam,
"Xích Thiên" hai chữ, bảng đăm rõ ràng.
Cung Ly rực rỡ nghiêm trang,
Hỏa tinh các phủ sửa sang chói lòa.
Bính, Đinh, hai ngã vào ra,
Có thần Châu tước hỏi tra ngăn ngừa.
615.- Hai chàng đem tín bài thưa,
Hỏi thăm tin tức, cũng chưa thấy gì.
Quân hầu áo đỏ giàn đi,
Cầm cờ hạ Lệnh oai nghi rõ ràng.
Mới hay thứ nhị Thiên đàng,
Phân vua Xích Đế sửa sang mùa hè.
Trời nam tìm dấu vắng hoe,
Đem nhau một bề, qua chốn trời tây.

*

* *

Trời tây hai cửa đầy đầy,
"Bạch Thiên" hai chữ, bảng vầy treo ra.

620.- Kiều, Đoài, hai cửa chói lòa,
Kim Tinh các phủ vô ra rần rần.
Tới lui trong cửa Canh, Tân,
Có thần Bạch Hổ giữ phần cấm ngăn.
Hai chàng đi tới trình bằng.
Cứ theo việc trước, hỏi phăng đi tìm.
Thấy quân trắng áo, trắng xiêm,
Cầm cờ Thu Lĩnh bài nghiêm các tòa.
Mới hay là cõi thứ ba,
Phản vua Bạch đế, ở tòa tây thiên.

625.- Dem nhau vội vã đi liền,
Trời tây khỏi miền, trời bắc lại đi.

*

* *

Bắc thiên một cửa đen sì,
"Hắc Thiên" hai chữ, bảng ghi chẳng lầm.
Một tòa cung Khảm tối tăm,
Thủy tinh các phủ ở sâm si cùng.
Hướng đi Nhâm, Quý, nhiều sông,
Có thần Huyền Vũ tuần phòng đũa gian.
Hai chàng thừa gởi đã an,
Đi qua khỏi cửa tìm đàng người quen.

630.- Thấy quân mặc áo màu đen,
Cầm cờ Đông Lĩnh đua chen đầy đường.
Thứ tư đây thật Thiên đường,
Phản vua Hắc đế sửa sang việc trời.
Trót đà tìm khắp mọi nơi,
Ông cha chẳng thấy, lại đời trung thiên.

*

* *

"Trung Thiên" hai chữ bảng vàng,

Chói lò một cửa, bốn phang đều hầu,

Hai cung Khôn, Cấn, lầu lầu,

Thổ Tinh các phủ liền nhau một vàng.

635.- Đàng Xà, Câu Trận, hai thần,

Giữ phần Mô, Kỷ, là phần tuần tra.

Hai chàng trình tín bài qua,

Cứ theo việc trước vậy mà hỏi han.

Thấy quân mặc áo màu vàng,

Cầm cờ Tứ Quý đóng giàn khắp nơi.

Thứ năm đây một cõi trời,

Phản vua Hoàng đế sửa vờ trung ương,

*

* *

Đương Từ, Hà mậu, hai chàng,

Hỏi người Lục sĩ mọi đảng cơ quan.

640.- Rằng: Đi năm cửa Thiên đàng,

Cớ chi không thấy **Hòa lan** người nào ?

Cũng không Phật tổ ra vào,

Hoặc là còn ở trời nào nữa chăng ?

Hoàng cân, Lục sĩ đáp rằng:

Một trời thật có chín tầng âm dương.

Tới đây mới đặt năm phương,

Hãy còn bốn cửa Thiên đàng ở cao,

Hai người muốn rõ âm hao,

Phải tìm cho khắp, lẽ nào mới hay.

615.- Nói rồi vội vã đem đi,

Hiền Thiên mau bước cấp kỳ lại qua.

"Hiền Thiên" hai chữ bằng ra,

Sáng trong một cửa chói lò muôn phương.

Thái âm sánh với Thái Dương.

Hai cung dành sẵn hào quang mặt trời

Kim ô một bóng chói ngời,
Theo đường Hoàng Đạo khắp trời xưa nay.
Mấy xây làm việc ban ngày,
Có thần giữ cửa hiệu rày Thiên Ôn.
650.- Hai chàng trình tìn bài xong,
Cứ theo đường trước tìm dòng cổ nhân.
Tim thôi thấy những thánh thần,
Thiên đường đây thật về phần Dương Quân.
Xiết bao trong dạ băng khuâng,
Cùng Thiên lộ thấy, lại gần đường qua.

*

* *

"Cùng thiên" hai chữ chói lòà,
Quế hương một cửa, hơi ra đầm đầm.
Thiếu Dương sánh với Thiếu Âm.
Hai cung đồ sộ sáng dâm vâng trắng.
655.- Một vầng Bạch Thổ bóng giăng.
Non sông bóng giợn, soi bằng lòng gương.
Có quan tuần giữ bốn phương,
Thiên Anh chữ đặt, đón đường hỏi tra.
Hai chàng trình tìn bài ra,
Cứ theo việc trước, hỏi bà con thân.
Hỏi ra thấy những thánh thần,
Thiên đường đây thật về phần âm quân.
Trong lòng chi xiết băng khuâng,
Thương Thiên chốn ấy phải làm đường qua.

*

* *

660.- "Thương Thiên" hai chữ chói lòà,
Băng xăng một cửa ra vô rập rình.
Quyết Âm sánh với Dương Minh,

Hai cung lỏng lẻo, ngôi tinh, ngôi thần
Bao nhiêu sấm sét nổ rân,
Mây đen, sương trắng, băng xăng cõi này.
Có thần Viêm Hỏa ở đây,
Hôm mai giữ cửa ngăn rày hỏi tra.
Hai người trình tín bài ra,
Cứ theo việc trước, hỏi qua việc mình.
665.- Tìm thôi gặp những thần linh,
Thiên đường đây thật ngôi Tinh chánh vì.
Ngẩn ngơ, ngao ngán, lòng nghi,
Huyền Thiên ló thấy, kíp đi tìm đàn.

*

* *

"Huyền Thiên" hai chữ sơn vàng,
Các phương châu chực, nhộn nhàng vào ra.
Tử Vi rục rở một tòa,
Ngọc Hoàng Đại đế thật là cõi đây.
Đền, đài, lầu các, doanh xây,
Sân lân, gác phụng, nền qui, lầu rồng,
670.- Thiên Bồng, Thiên Tuế hai ông,
Ra vô châu chực có ông tuần phòng.

*

* *

Hai chàng xem thấy nớp lòng,
Trên trời đếm những là dòng thần linh.
Khắp nơi han hỏi sự tình,
Thấy đều chẳng gặp quen mình là ai.
Cùng nhau than vắn, thở dài,
Còn nơi nào nữa, toan bài hỏi han!
674.- Thương thay hai gã gian nan,
Chín trời đã khắp, phải toan lẽ gì ?

(Lược, bỏ chín câu)

684.- Phút đầu trên chốn tây lầu,
Nổ ba tiếng sấm, nhóm châu các cung.
685.- Áo, xiêm, đai, mào, lạnh lùng!
Tinh quân các vị rùng rùng tới nơi,
Hai người đứng nép coi chơi,
Những người châu chực nhà trời là ai ?
Thấy đi có tấm thẻ bài,
Đề rằng "Khổng tử Đại Tài Thánh Vương".
Ngồi trong kiệu ngọc, tàn vàng,
Một ông Khổng tử dung nhan tốt lành.
Theo sau biết mấy thần linh,
Coi trong thẻ bạc, đề danh Đại Hiền,
690.- Dương Tử coi thẻ khen liền:
Hèn chi vua chúa chính chuyên miếu thờ.
Cho hay muôn nước đều nhờ,
Đạo ông Khổng Tử làm bờ chắn dân.
Trong đời biết chữ nhân luân,
Biết đường trị loạn, muôn phần nhờ ai ?
Nhớ câu "kế vạng khai lai",
Thật ông Khổng tử đại tài thánh vương.
Đâu đâu cũng kính, cũng nhường,
Môn đồ cũng đặt hiên dương muôn đời.
695.- Như vậy mới gọi đạo trời,
Trời sanh đức thánh thay lời dạy dân.
*
* *
Dương Tử vừa dứt tiếng phân,
Phút đầu lại thấy vị thần đi sau.

Một người cỡi ngựa, tốt râu,
Đến gần nhìn thật Quan Hầu thuở xưa.
Vội vàng quì lạy, liền thưa:
Mừng nay gặp Phật, khác xưa cỡi phàm.
Nam mô hai chữ **già lam**,
Xin thương bản sãi ở am chầy ngày!
700.- Quan Hầu cỡi ngựa đi ngay,
Châu Thương đứng lại tỏ bày căn duyên.
Hỏi rằng: Người ở cửa thiền,
Việc chi tới chốn huyền thiên làm gì?
Từ rằng: Ông vội quên đi,
Am mây bản sãi tu trì nhiều công.
Nhang đèn, liền đốt bàn ông,
Nay làm ra Phật sao không đoái hoài ?
Châu thương nổi sắc cười dài,
Nói rằng: Thần, Phật, khác loài nhau xa.
705.- Quan Hầu vốn thật chúa ta,
Tâm lòng trung chánh ai mà dám đương!
Tiếng khen muôn nước đều nhường.
Trời phong làm chức Thành Hoàng Đại Vương.
Từ rằng: Ông thật Thành Hoàng,
Ở trong chùa ấy thờ ông Quan nào ?
Đáp rằng: Vì thuở Hán trào,
Có ông Phổ Tịnh kết giao đồng làng.
Chúa ta hiển thánh ngọc hoàng,
Hoà thượng lòng nhớ, thờ than bạn lành.
710.- Già lam hai chữ thơm danh,
Mới đặt bài vị tụng kinh siêu hồn.
Khiến nên thiên hạ tiếng đồn,
Vẽ hình, tượng cốt, nhiều môn phù đồ.
Chúa ta chẳng phải đi tu,

Trong mình giữ vẹn tóc râu tốt lành.
Nói cho sãi rõ sự tình,
Nhắm coi Thần, Phật, hai hình khác nhau.

*

* *

Nói rồi quày ngựa đi mau,
Dương Từ lơ lảo, dầu dầu mảy châu.

715.- Than rằng: Sự dĩ đáo đầu,
Biết khôn thôi đã tóc râu hết rồi!

Xiết bao chịu nổi khúc nôi,
Đến nay mới biết làm ôi! là làm!

Nhớ lời đại sĩ Tây lâm,
Chúa le trong dạ, hổ thềm với va,

*

* *

Chín trời nay khắp trái qua,
Giờ về đã tới từ ra trở về,
Hoàng cân Lực sĩ đề huề,
Dương Từ, Hà Mậu, ra về chưa xa.

720.- Ra về khỏi bến Ngân hà,
Gặp ông Thái ắt tuần tra đón đường.

Lăm le bắt trót hai chàng,
Tuốt guom linh kiếm phòng toan chém đầu.

Hoàng cân Lực sĩ quì tâu,
Tín bài có chữ, xin cầu khoan dung.

Thái Ất coi tín bài xong,
Cười rằng: Lũ đại khéo mong lên trời.

Trời đâu cho sãi lên chơi,
Cho quân tả đạo tới nơi dòm hành!

725.- Lão Nhan là vị tiên linh,
Há không rõ đặng sự tình Phong đô ?

Phong đô cỡi ấy ra vô,
Nhóm nhau những đạo tăng đồ thiếu ai.
Tha bầy về động Thiên thai,
Thưa cùng Từ Thất vẽ bầy Phong đô.
Bầy rồi hai chữ Phong đô.
Kíp đi, chẳng khứng nói phô rõ ràng.
Hoàng cân Lục sĩ vội vàng,
Kíp đem hai họ về đàng Đài dương.

*

* *

730.- Thứ nầy đến thứ sư đường,
Lão Nhan ngồi chốn Đài dương đợi chờ.
Đánh tay đã đủ chín giờ,
Đốt bùa, niệm chú, như xưa hoàn hồn.
Dương Từ, Hà Mậu hoàn hồn,
Giật mình thức dậy, thấy Tôn sư ngồi.
Hai người tỉnh lại hơi ôi!
Vội vàng xuống lạy một hồi tạ ân.
Tôn sư đứng dậy lui chân,
Trở về hậu viện dưỡng thần thanh thoi.

735.- Hỏi rằng: Hai gã lên trời,
Tầm đà thấy đạo ở nơi cửa nào ?
Thưa rằng: Chẳng có âm hao,
Cũng không tông tích nơi nao đặt tường.
Cho hay chín cỡi thiên đường,
Ngôi thần, ngôi thánh, phô trương đã rành.
Hai tôi có gặp thần linh,
Rằng Tôn sư rõ sự tình Phong đô.
Vẽ rồi hai chữ Phong đô,
Kíp đi không khứng nói phô rõ ràng.
740.- Hai tôi nghe nói chưa tường,

Xui thầy chỉ vẽ mọi đường Phong đô.

*

* *

Sư rằng: Nơi chốn Phong đô,
Cầm cân phước tội, trị đồ hung hoang.

Tục kêu rằng chốn Diêm quan,
Ở miền âm phủ sửa sang việc đời.

Hai người trước đã lên trời,
Nay tìm xuống đất mỗm hơi, nhọc mình

Thưa rằng: Rõặng sự tình,
Dầu cho nhắm mắt, vong linh cũng đành,

745.- Xin thầy thương kẻ ngu sanh,
Mở đường chỉ ngõ, hết tình thời thôi.

Tôn sư nghe nói thương ôi!
Dem hai họ ấy đến ngôi Dương đài.

Trong đài có tấm bia bài.
Đề câu "Địa quật hữu giai" rõ ràng.

Dưới đài có một cái hang,
Dòm vào lạnh lẽo, thấy đàng tối tăm.

Dương Từ, Hà Mậu lo thăm,
Phen này xuống đất nguyện tâm cho ra.

750.- Bên hang có tấm đá hoa,
Khảm vào bốn chữ "Nam kha mộng sàng".

Hai người lên đá nằm an.

Tôn sư làm phép rông ban như lời.

Tạo Y quý sứ một người,
Cấp như luật định tới nơi ứng hầu.

Dặn rằng: Chớ khá ở lâu,
Mười giờ đi hết, đem nhau trở về.

Ban cho một cái thẻ đề,
Cầm đi các cửa đặng bề đi thông.

755.- Tôn sư dẫn bảo vừa xong,
Tạo Y quý sứ ra công đem đàn.
Dương Từ, Hà Mậu hai chàng,
Đi theo tên ấy xuống đàn âm ty.
Xuống vừa tới cõi âm ty,
Mặt nhìn cảnh vật khác thì nhân gian.
Mơ màng một cõi quan san,
Mây sâu gió thảm chàng ràng trên người.
Tạo Y trước dẫn hai người,
Đàn đi âm phủ nhiều loài yêu ma,
760.- Tay chơn mình mảy người ta,
Đầu trâu mặt ngựa, tên là Dạ Xoa
Dạ Xoa giữ việc gian tà,
Người nào mắc tội cho tra hành hình.
Có quân ngăn đón lộ trình,
Tên là quỷ Tốt cái hình lạ thay!
Sớm đầu, vắn cẳng, dài tay,
Xử tai, lồi mắt, mũi dài, răng to.
Cho hay nó thật hung đồ.
Thấy sao hay vậy, chó phôi hôi gì.
765.- Có ta vâng lệnh đem đi,
Lòng nghi muốn hỏi việc gì, nói cho,

*

* *

Phút đâu đi đến bến đò,
Bến đò đưa rước chẳng lo tốn tiền,
Bài đề hai chữ "Hoàng Tuyền",
Người qua, kẻ lại, liền liền ngày đêm,
Người kêu "chín suôi Cẩm diêm".
Chín kia số hết suôi thêm đò đầy.
Qua vừa khỏi bến đò này,

Thấy bày chó dữ ngăn rày đường đi.

770.- Xa xem văn vận đen sì,
Hầm hầm đứng sửa dị kỳ rất hung,
Bên đường có thẻ bài phong,
Chữ cấm ba vòng rằng Ác Cầu Thôn.
Có quân quý tốt đường mòn,
Người đi qua lại, ý khôn dám kê.
Tạo Y đưa cái thẻ đề,
Đem nhau tới đặt một bề đi xuôi.
Vừa đi vừa ghé mắt coi,

Thấy quân quý tốt giờ roi đánh người,

775.- Dẫn ra một lũ vài mươi,
Kêu là thầy pháp dối người thế gian.
Người đau chẳng dụng thuốc thang,
Lòng tham tiền bạc bày đàn chữa chuyên,
Khoe khoang nhiều phép linh thiêng,
Phình treo trang khoáng ăn tiền đưa ngu.
Bày đều đóng ấn vẽ phù,
Láo sai binh tướng bắt tù Diêm vương.
Nhà dân cúng đất lệ thường,
Dám kêu tên Đế ngũ phương ngán ngàm.

780.- Làm cho người mắc lỗi lầm,

Ấy là loạn đạo tội dâm ngày sau.

Để bày chó dữ đua nhau,

Xé thầy lũ ấy nhai đầu ăn gan.

Hai người coi thấy liền than,

Đi qua khỏi cửa hỏi chàng Tạo Y,

Hỏi rằng: Thầy pháp tội chi?

Cho bày chó dữ một khi hành hình,

Đáp rằng: thầy pháp nó khinh

Dối trong trời đất chư linh chẳng vì.

785.- Đồi xưa phép luật ai bì,
Trừ ma ếm quỷ, việc gì cũng hay.
Lão quân mất sách đến nay
Đồi sau bắt chước liền bày phép xiên.
Nói rồi vội vã đi liền,
Khỏi nơi Ác cầu gần miền Đạo san.

*

* *

Đạo san địa phủ chữ vàng,
Bài dựng bên đàng ai thấy cũng kinh.
Núi non đá mọc như bình,
Bày ra sắc lẽm như hình phủ đao,
790.- Có quân quý tốt lao xao,
Đón đường tra hỏi, ai nào dám qua,
Tạo Y đưa cái thẻ ra,
Đi qua cửa khác liếc mà xem coi,
Thấy quân quý tốt cầm roi,
Dẫn thầy địa lý hỏi đòi chứng tra.
Tra rồi dẫn các thầy ra,
Kể bao nhiêu tội cho va nghe cùng.
Nhà ai rủi mắc tang hung,
Phình đi coi đất đặt mong ăn tiền.
795.- Khoe khoang rằng học phép tiên,
Tầm long điểm huyết chôn liền giàu sang,
Ai mà chẳng dụng địa bàn,
Chôn nhằm cuộc xấu, ắt mang tai trời.
Lấy câu phú quý dặt người,
Bày nơi ngũ quỷ, chỉ nơi lục thần.
Khiến cho thói chuộng lãnh nhăng,
Coi thân cha mẹ rẻ bằng cỏ tranh.
Người thời ham chữ công danh,

Thác không mai táng, để dành thầy toan.

Người thầy ham việc giàu sang,

Nghe theo thầy tục để quần lâu năm.

Nghĩ điều hoặc thế mà câm,

Tội kia đã đáng thầy dầm Đạo san.

Dạ xoa đứng dưới Đạo san,

Bắt thầy địa lý quăng ngang trên hình,

Hai người coi thấy thất kinh,

Quăng lên lẫn xuống, thân hình còn chi ?

Hai người mắt thấy tai bị,

Mang lời đều hỏi Tạo y vội vàng:

805.- Chẳng hay phong thuỷ mấy chàng,

Tội chi mắc phải Đạo san hành hình ?

Đáp rằng: trong số tử sanh,

Là trời dành để, ai dành đặt đâu.

Từ xưa vua Vũ làm đầu,

Phép bày địa lý để âu trị đời.

Đến sau phong thuỷ các nơi,

Học đòi coi quẻ, đua bơi tài nghề,

Bày ra làm sách không xuê,

Ngũ phương định hướng, làm bề vọng khi.

810.- Đua nhau cãi số trời đi,

Khiến người tai nạn, gian nguy một dòng.

*

* *

Nói rồi dời bước thẳng xông.

Dương Từ, Hà Mậu ra công hỏi tìm.

Đi vừa đến bến sông Diêm,

Thấy cái cầu chìm, không lót ván đi.

Bắc ngang qua một cái cây,

Dưới cầu những rắn hổ mây, mắng xà.

Có mông, có tích, như hoa,
 Ngóc đầu, ngóc cổ, lội ra đập diu.
 815.- Bài đề là "Nại hà Kiều",
 Ai mà có phước thời diu dất qua.
 Ai mà có tội đem ra,
 Quỷ xô xuống đó, mảng xà cắn thây.
 Có quân quỷ tốt đông đầy,
 Đón người qua lại cầu này hỏi tra.
 Tạo Y đưa cái thẻ ra,
 Quỷ đều vâng lệnh dất qua khỏi cầu.
 Dạ Xoa chẳng biết ở đâu,
 Dẫn ra một lũ trọc đầu đem đi.
 820.- Đương Từ trông thấy lòng nghi,
 Khuyên nhau chậm bước đợi khi xem tường.
 Bốn phương thầy sãi rõ ràng,
 Cổ gông, tay trói, lang thang áo quần.
 Quỷ đi cầm thẻ rao rân,
 Nói rằng thầy sãi sao thân điểm đàn.
 Kể từ sống ở dương gian,
 Sợ xấu, trốn thuế, tìm đàn đi tu;
 Vô chùa làm chước cạo đầu,
 Trốn vua theo Phật, trông cầu rảnh tay,
 825.- Ghe phen cúng vái làm chay,
 Liền ngồi chẵn tể đặt bày việc ra.
 Cho đi phổ khuyến người ta,
 Bán rao tiếng Phật khắp nhà chúng sanh.
 Bày đường nói kệ, nói kinh,
 Mõ chuông cửa Phật rập rình ra vô.
 Miệng thời niệm chữ Nam mô,
 Mắt xem gắm ghé mấy cô đi chùa.
 Áo cơm khỏi tốn tiền mua,

No lòng âm cất lại đua thối xằng.
830.- Tham câu sắc dục ai bằng,
Lòng lang dạ cáo, lẳng nhăng trọn đời.
Khi buồn cô vãi đờ chơi,
Khi vui vợ khách, cùng nơi thanh lâu.
Chẳng trừ thịt chó, thịt trâu,
Trối thầy giới cấm! mặc dầu no say.
Ngoài am giả chước ăn chay,
Trong liêu rượu thịt ngày ngày liền xoi.
Ở đời lại quyết dối đời,
Trong mình chẳng sợ lẽ trời là chi.
835.- Phui pha hai chữ luân di.
Một câu trung hiếu bỏ đi chẳng màng.
Đến nay thác xuống suối vàng,
Án tào sáng chép tội chàng khó **nhieu**
Tra rồi đem tới Hà kiều,
Xô cho loài rắn xúm **nhieu** ăn thầy.
Tiếng nghe la khóc vang đầy,
Dưới cầu sóng gợn, huyết đầy sông Diêm.

*

* *

Dương Từ khó nổi mắt xem,
Rằng: Ta còn phải đi tìm làm chi.
840.- Thấy vậy cũng biết thị phi,
Đã đành trót phận qui y lắm đàng.
Xưa xem trong miếu họ Hàn.
Dẫn ra đi chém xem giàn như đây!
Tiếc công tu luyện nhiều ngày,
Bỏ nhà bỏ cửa tới đây mới tường.
Thôi thôi từ giã hai chàng,
Ta xin trở lại tìm đàng cổ hương.

Tạo Y nghe nói liền can,
Rằng: Người muốn ở tuổi vàng ngần ngợ.
845.-Thẻ cho đi trọn mười giờ,
Đây chưaặng nửa, khó mơ trở về.

Chú thích:

Băng luân: vàng băng : mặt trắng

nửa châu: Nửa phần tròn

Dốc tầm đạo, phải ở đâu xa: Đạo bất viễn nhân,

Năm phẩm rừng Nho sẵn sóc lấy: Ngũ kinh

"Trung Thiên" hai chữ băng vàng: Mất vắn.

Hòa lan: Người đạo hòa lan.

thần: sao

già lam: nhà chùa dịch chữ Sangha : tăng già lam.

Dạ Xoa: dịch chữ yaksa (một loài quỷ).

ỷ: tiếng đưa đẩy,

di: đạo thường. Di luân.

nhiều: nhiều dung.

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

Họ Hà thấy nói ừ ê,
Rằng: Xin gấn vó trợn bề thủy chung.
Gượng đi tìm khắp các cung,
VẬY sau mới biết đạo tòng mà theo.
Chuông kia chẳng đánh sao kêu,
Đền kia muốn tỏ, không khêu cũng lờ.
Dương Từ nghe phải, làm ngơ,
Gắng đi theo dõi trọn giờ cùng nhau.
850.- Xiết bao mặt ử mảy châu,
Nghĩ trong phận sãi ruột sầu xót xa.

*

* *

Đi vừa một đôi xa xa,
Phút đâu bãi cát Hoàng sa gần kề.
"Hoàng sa" hai chữ băng đề,
Mất nhìn cảnh vật nào nề, thở than!
Dầu dầu cỏ héo, hoa tàn,
Xơ rơ trên bãi cát vàng, buồn thay!
Gió âm hiu hắt lá cây,
Mưa tuôn bạc bạc, bóng mây mờ mờ.

855.- Khắp xem bốn phía bụi bờ,
Éo le cảnh vật, dật dờ ở đây.
Nào hay làng xóm đông đây,
Có nơi chợ búa, có bầy người ta.
Kêu tên rằng chợ âm la,
Người buôn, kẻ bán, cửa nhà rất đông.
Họ Hà chưa hẳn tấm lòng,
Hỏi: Sao âm phủ thôi đồng dương gian?
Tạo Y tỏ vẻ mọi đảng,
Dương gian âm phủ, cơ quan cũng đồng.

860.- Khác là khác việc hóa công,
Cõi bờ chữ "hạ", chữ "trung" rõ ràng.
Sanh, thời ở cảnh dương gian,
Thác, về âm phủ là đảng xưa nay.
Họ Hà nghe nói rõ bày,
Hỏi thăm dòng họ chốn này chưa ra,

*

* *

Đi vừa khỏi bãi Hoàng sa,
Tới nơi cửa ải thấy đà nên kinh.
Cho hay dưới cõi u minh,
Rất nhiều âm tướng, âm binh, nhộn nhàng.

865.- Bài đề rằng "Quỉ Môn Quan",
Vô ra biết mấy mươi đàn tội nhân.
Người thời mắc tội vô luân,
Kẻ thời vô đạo, rần rần dẫn ra.
Lũ kia con gái đàn bà,
Đàn này trai tráng, ông già, xiết bao.
Chẳng hay dẫn tới ngục nào?
Nghe quân quỷ tốt miệng rao thề rằng:
Dương gian nhiều kẻ tham nhăng,

Trong nhà giàu có lòng hăng bắt nhân.

870.- Cho vay đặt nợ muôn phần,
Lợi trung gia lợi, khổ thân nhà nghèo.

Không tiền lại bắt về treo,
Khiến làm đầy tớ, ở theo việc nhà.

Gông cùm, trắng trối, dẫn ra,
Lăng xăng lũ bảy, đàn ba chạt đàng.

Kia là thơ lại nhà quan,
Chuộng bề xảo trá, khoe khoang hơn người.

Trau giồi đao bút cho tươi,
Án sanh làm tử, **cát mười xàng xàng**

875.- Dắt người vào tội thác ngang,
Ham ăn của cải cho sang cửa nhà.

Nầy là công, cớ, chur gia,
Đều tham chữ "lợi", lại hòa chữ "gian".

Lợi, gian, hai chữ đầy loạn,
Nhà buôn, nhà bán, mắc nần đã ung.

Thấy vậy nên dừng dừng dung,
Ở đừng vô đạo, cũng đừ vô luân.

Đã làm vào tội bất nhân,
Dầu cho muôn kiếp, cái thân ra gì?

*

* *

880.- Tạo Y cầm cái thẻ đi,
Qua rồi cửa quỷ, kịp khi đến thành.

Bài đề rằng "Uổng Tử Thành",
Ở trong rục rở cung đình nghiêm trang.

Đền son, gác tía lầu vàng,
Hắn hỏi để chốn Diêm quan trị vì.

Các nơi chúa ngục, âm trì,
Đến nơi châu chực, án tử phán ra.

Tội nào đoán quyết, cho ra hành hình.

885.- Biết bao nhiêu phạm tội tình,

Thác oan uổng tử, vong linh dật dờ.

Hồn thời mượn chúng đại thơ

Hồn thời đội trạng, đội tờ giấy không.

Đàn bà cho tới đàn ông,

Đem nhau quì chốn sân rồng thiếu chi.

Trâu, dê, heo chó đều đi,

Mồm thời cắn trạng vào quì Diêm quan.

Mới hay vật cũng chịu oan,

Thác không đáng thác, xương tan thịt lìa.

890.- Hai người quỷ sứ đứng kê,

Kẻ thâm đơn trạng, người thì kêu rao.

Hai người chưa rõ lẽ nào,

Đem nhau tới chốn Án tào coi chơi.

*

* *

Thấy quân quỷ sứ ba người,

Dẫn tới một người chưa biết tội chi.

Ở đời làm nghiệp thế y

Chú ruột Châu Kỳ, tên gọi Châu Phan.

Họ Hà nhìn thấy rõ ràng,

Hỏi rằng sao chú làm đảng nơi đây?

895.- Đáp rằng: Mang tội làm thầy,

Hốt làm thang thuốc, hại lây mạng người.

Đạo ta đây có ba người,

Hãy còn ở cửa thứ mười xin ăn.

Một người tên gọi Hà Năng,

Thật người Hà Mậu kêu bằng ngôi ông,

Châu Phan lời nói chưa xong,

Quý đà kéo cổ vào trong Án tào

*

* *

Lại nghe quỷ sứ lao xao,
Dẫn một người nào, đầu trọc mang gông,
900.- Dương Từ xem thấy nghi lòng,
Lại gần vốn thật thầy trong chùa mình.

Hỏi rằng hòa thượng tu hành,
Cớ sao mà mắc tội tình chi đây?

Đáp rằng: Từ thuở chơi mây,
Am vân hôm sớm hằng vầy kệ kinh.

Chẳng may lâm bệnh xá sanh,
Chưa hay buổi ấy âm linh tội gì!

Nói rồi quỷ sứ dẫn đi,
Vào Án tào ấy một khi tra tường.
905.- Án tào quỷ sứ phụng chương,
Đặng dâng bệ ngọc, Diêm vương ngự rằng:

Châu Phan là đứa vô ân,
Đành lòng chẳng tưởng mô phần tổ tiên.

Mình sanh trong cõi trung nguyên,

(Lược)

909.- Hiềm vì nghề nghiệp y môn,
Chẳng coi sách vở, làm khôn hại người.

910.- Phó cho cầm cửa thứ mười,
Dẫn đi hành tội, cho người thấy ghê,

Hành rồi hóa kiếp làm dê,

(Lược)

913.- Dạ Xoa vâng lệnh phăng phăng.
Ngục mười dẫn lại giao thẳng Châu Phan.

*

* *

Diêm vương phán trước ngai vàng:

Rằng: Người Trần Kỳ sao chàng đi tu?
Tiếng xưa cũng biết chữ nhu (nhô),
Há không coi sách Xuân Thu dạy đời?
Ngoại di Trung quốc khác trời,
Phụ Nho, theo Phật, chuộng lời nam mô,
Mấy năm ở chốn Phù đồ,
Xung rằng Hòa thượng, nói phô hoang đàng,
Của thời tam bảo ăn thường,
Ruộng thời sẵn có thập phương cúng dường.
Vả xưa Phật ở Tây phương.
Sống không biết lễ cang thường là chi.
920.- Luyện lòng hai chữ "từ bi",
Việc nhà việc nước, biết gì tới ai.
Làm người sao chẳng theo loài?
Thảo cha ngay chúa, đoái hoài chi đâu!
Đành lòng cắt hẳn tóc râu,
Đã toan bắt tử, lại âu bắt thần.
Tội kia đã đến muôn phần,
Khó dung cho đó làm thân con người.
Trước cho bày răn cần tươi,
Rồi sau cho hóa kiếp người làm trâu.
925.- Hành cho chín kiếp rất lâu,
Để ăn rom cỏ, dãi dầu tắm thân.
Dạ Xoa lãnh nạp họ Trần,
Đem giao chúa ngục ở phần sông Diêm.
Có quân quỷ tốt liền đam,
Dẫn qua Tào án còn giam nửa giờ.
Dương Từ theo khóc bơ vơ,
Rằng nay Hòa thượng biết nhờ cậy ai!
Kỷ rằng: Ta hỏi Thiện Trai:
Cớ sao xuống chốn âm đài, chuyện chi?

930.- Thừa rằng: Tầm dấu Mu ni
Ngỏ xin khỏi tiếng thị phi trên đời.

Kỷ rằng: Trốn lánh việc đời,
Đã đành lỗi đạo cùng trời đất kia.
Ngàn năm trong cõi thiên kia,
Lấy ta làm một tấm bia để đời.

Người về xin gởi vài lời,
Nói cùng tăng sãi các nơi chùa chiền.
Trở về theo đạo thánh hiền,
Lo bề nhà cửa, chớ nguyên đi tu.

935.- Tu chi mắc kiếp làm trâu,
Lại xô xuống cầu, cho rắn phân thây.
(Lược bỏ chín câu, thuật lời Châu Phan)

945.- Đương phô quỷ sứ đánh ngang,
Dẫn tới ngục đàng, chịu phép khảo tra.
Châu Phan sùi sụt bước ra,
Họ Hà thấy vậy xót xa phận mình.

Tạo Y quỷ sứ có tình,
Đem qua các chốn ngục hình xem coi.

Bài đề hai chữ "Phong Lôi"
Ngục này để trị bầy tôi gian tà.

Hung thay quỷ tốt Dạ Xoa.
Bắt bầy tôi nịnh đem ra hành hình.

950.- Tay chân đều có đóng đinh,
Nằm trên tấm thớt lửa hình trần phơi.

Người giăng nằm giữa ngó trời,
Người thoir nằm sắp khắp nơi rẽ rời.

Phút đâu một tiếng âm lôi,
Nổ ra sấm sét đánh bồi trên thây.

Trước sân lai láng máu đầy,
Tan xương nát thịt, cái bầy quân gian.

Coi tên: Đề thuở Hán Đường (Đường).
Thập Thường Thị ấy với đoàn hoạn quan.

955.- Hành rồi sai phép linh đàn,
Thân hoàn hồn phách, lại hoàn ngục giam.
Cũng vì một tấm lòng tham,
Sâu dân một nước, đều làm chẳng công.
Làm tôi mang chữ bất trung,
Phép trong trời đất chẳng dung đũa nào.

*

* *

Coi rồi cửa ấy tù lao,
Coi qua cửa khác những nào tội nhân.

Bài đề hai chữ "Hòa Quân"
Ngục này trị kẻ vô luân, loạn thần.
960.- Cột đồng cấm đứng trước sân,
Chế dầu lửa đốt rần rần như giông.
Lửa xe chói đỏ cột đồng,
Dạ Xoa đất tới đàn ông một đàn.
Tay cầm roi sắt đánh, phang,
Khiến xông vào đó ôm ngang cột đồng.
Thịt xương chói đỏ theo đồng,
Khói bay tanh khét, như xông a ngù.
Coi vào trong thẻ án ghi,
Họ tên lũ ấy một khi mới tường,
965.- Thấy đều mắc tội hòa gian,
Vợ người đã lấy, còn toan giết chồng.

*

* *

Coi rồi phía tả đàn ông,
Ngó qua phía hữu, rất đông đàn bà.
Trước sân đem vạc dầu ra,

Dầu sôi sục sục, lửa ra dần dần.
Một bầy phụ nữ truồng trần,
Buộc vào để đứng loã thân chịu hình.
Dạ Xoa cưa, kéo nên kinh,
Cưa đầu tới đít, rã mình làm hai.
970.- Lòng hai người cũng chia hai,
Bỏ vô dầu nấu, nấu hoài cho tiêu.
Coi vào trong thẻ án nêu,
Họ tên lữ ấy thấy đều dâm bôn.
Thông gian mình nghĩ rằng khôn,
Ở đời chẳng sợ tiếng đồn ô danh.
Coi chồng như đứa vô tình,
Ngày đêm những mảng rập rình cùng trai,
Chê cười cũng trời thầy ai,
Kiếm lời che mắt, lấp tai thằng chồng.
975.- Dầu cho đại cũng là chồng,
Lòng sao giám nói nó không biết gì?
Rõ ràng chúng có tứ tri,
Việc trong buồng kín, âm tri lại biên.
Giết chồng có phép nước chuyên,
Âm thầm có phép cửu tuyền cưa hai,
Cho hay những tội lấy trai,
Thiên tru, địa lục, ai ai nên chừa.

*

* *

Tạo Y thấy vậy chẳng ưa,
Xem qua ngục khác, phép ngừa đứa gian,
980.- Bài đề hai chữ "Kim Cang".
Ngục này để trị những đàn bất nhân,
Mấy thằng trộm cướp sát nhân.
Cối đồng xay giã, tẩm thân nát nghiền.

Làm con chẳng thảo, chẳng hiền,
Mình treo cần sắt, cung liền bắn lên.
Bắn cho vắng thịt nhiều tên,
Hỏi ơn cha mẹ đã đền đặng chưa?
Mấy người ăn nói thiếu thừa,
Bắt kèm kéo lưỡi đưa ra khỏi hàm.
985.- Kể sao xiết nỗi gian tham,
Dạ Xoa cứ phép đều đàm hành hình.

*

* *

Kim cang đến cửa đã đành,
Cửa mười cũng nổi sẵn dành theo đây.
Bài đề "Minh Lịnh" ngục này,
Đề trị các bày bại lễ, loạn luân.
Loài người ăn ở bất phân,
Anh em lấy bấy, bất phân làm người.
Trẻ già nào trọn mấy đời,
Âm thầm chẳng biết hổ ngươi cùng trời.
990.- Mây mưa quen thói nhóp đời,
Bà con nào kể, lẽ trời nào kiêng,
Dạ Xoa theo án xử liền,
Bắt đoàn con gái ghe phen hành hình.
Kẻ thời đội chảo máu tanh,
Ngồi bàn chông sắt, nhóm doanh ruồi lằng.
Kẻ thì bụng mẹ đòi ăn,
Người bụng máu uống, chun trắng, cổ xiềng,
Giường đồng lạnh lẽo để liền,
Bao nhiêu tội ấy thay phiên bắt nằm.
995.- Trên đầu dội nước ướt dầm,
Sương sa lạnh lẽo, ruột tằm héo don.
Lạnh lùng xương thịt hao mòn,

Đề chi nhớ nhuốc nước non trên đời.

*

* *

Trải qua xem thấy khắp nơi,
Dương Từ, Hà Mậu buông lời hỏi han.
Hỏi rằng: Các tội ngục đang,
Hành rồi một thứ, lại hoàn nguyên thây.
Chẳng hay hoàn lại làm chi?
Hoặc là hết tội, đợi kỳ tha chẳng?
1000.- Tào Y quý sứ đáp rằng:
Âm hình há dễ một lần mà xong!
Giết đi hoàn lại, lòng dòng,
Ngục này hết phép, còn vòng ngục kia.
Hành cho khắp hết cửa bia,
Đem về Tòa án, mới chia kiếp đầy.
Đưa lên làm kiếp ăn mày,
Thằng kia kiếp chó, con này kiếp heo.
Dầu muôn kiếp cũng noi theo,
Mãn thân súc vật; máu đeo dao người,

*

* *

1005.- Tào Y chưa nói dứt lời,
Thấy quân quỷ tốt tới nơi nhận nhàng.
Dẫn đi một lũ bóng chàng,
Áo quân rách nát, đều mang gông xiềng.
Họ Hà buông tiếng hỏi liền ;
Chẳng hay lũ ấy sở biên tội gì?
Đáp rằng: Tội chẳng nhẹ chi,
Ở trên dương thế hay khi thánh thần.
Miếu đường là chốn thanh tân,
Trống xây, giọng lý, tiếng rân cầu mời.

1010.- Bà tiên, bà Chúa, đặt lời,
Chàng Năm chàng Bảy, lên chơi giới hiền.

Rập rình đàn, địch, cổ, chiêng,
Cơm tiền đã tốn, dầu đèn lại hao.

Ai lên khăn vái, phước trao,
Ai quên cúng quây, họa vào khi không.

Quạt chơi, ợ, ngáp, lên đồng.
Dối người giàu có rằng ông quở chàng.

Chè xôi gà vịt, đặt bàn,
Cho ta dâng lễ, mới an cửa nhà.

1015.- Tội kia khi hoặc người ta,
Phong lôi ngục nọ đem ra hành hình,
Họ Dương lại hỏi đình ninh
Bóng chàng đường ấy đã đành tội kia.

Chẳng hay thầy thuốc tội chi,
Kia quân quý tốt dẫn đi đông dầy?
Đáp rằng: Thầy thuốc chẳng hay,
Bệnh không biết mạch đặt tay coi chừng.

Lòng quen cur thói bất nhân,
1020.- Nhà giàu thời hốt "bát trân", "thập toàn".

Nhà nghèo thời hốt thuốc ngang,
Tử tô, kinh giới, ma hoàng, quế chi.

Mười hai kinh lạc kể gì,
Bốn mùa vận khí xây đi, mặt trời!
Đau trong tạng phủ thân người!
Thấy tiền đem tới, miệng cười, lòng vui.

Chín trăm phương thuốc xa xui,
Hai ba mươi vị phanh phui đủ làm.

Một pho Thọ Thế lam nham.
Nhìn đâu hốt đó, chẳng ham sách nào.

1025.- Làm hoàn, làm tể, hỗn hào,

Thuốc sâu, thuốc mọt, trộn vào mật ong.
Mạng người coi rẻ bằng lông,
Uống may: thời khá; rủi: không chi thầy.
Khoe mình dao thuốc liền ngày,
Oan hồn theo khóc đầy đầy sau chơn.
Tưởng là trộm cướp bất nhơn,
Ai hay thầy thuốc dữ hơn cộp nhiều.
Tội kia đã đáng đem treo,
Kim cang ngục nọ, xử theo án đồ.

*

* *

1030.- Họ Dương lại thấy dẫn tù,
Mụ bà một lũ u đồ đi ra.
Lặng nghe kể tội mụ bà,
Quý cảm thể án, trước đà rao rân.
Rao rằng: Làm mụ bất nhơn,
Khiến người sanh đẻ tấm thân mắc nân.
Vả trời phú tánh đã an,
Có cho ai ngược, ai ngang, bao giờ?
Bào thai đã định ngày giờ,
Mười trăng chưa đủ, phải chờ mới nên.
1035.- Vợ người chuyển bụng đau rên,
Mụ bà chẳng hỏi nhớ, quên, tháng ngày.
Lên giường vội vã ra tay,
Rằng: Ta sửa bụng cho quày đầu ra.
Vài giờ chưa thấy sổ ra,
Thọc tay lỗ đẻ, sờ mà thăm coi.
Coi rồi chẳng thấy lỗ mòi,
Khiến xui hốt thuốc giục đòi cho mau,
Dối rằng: gần lỗ mào cau,
Bảo người rán rặn làm nao đẻ đùa.

1040.- Hai tay bóp bụng đẩy xua,

Thấy lâu rồi lại thăm vô cửa mình.

Chúc nguyên bà chúa thai sanh,

Đức thầy, đức mẹ, thần linh giúp cùng,

Làm tuồng chộn rộn sợ lung,

Chủ nhà van vái tứ tung binh tâng,

Khiến con trong bụng chẳng an,

Ngặt mình nên phải tìm đảng chun ra.

Chối, quày, chưa kịp hạ sa,

Mụ bà tay chặn, kéo ra vôi vàng,

1045.- Những đồ đi ngược đi ngang,

Cũng vì tay mụ, lòng toan sanh cầm.

Dân ngu chẳng biết lỗi lầm,

Vì ai khuấy rối lẽ trời

Khiến nên èo uột, ra vời chẳng lâu?

Người khôn cũng mắc rằm rằm nhiều nơi.

Lẽ thời tội đáng chém đầu,

Thứ dung cho nó xuống cầu một cây.

*

* *

Mậu rằng: Nhờ có sự này,

Đẻ đừng kêu mụ, rước thầy được chẳng?

1050.- Tạo Y qui sứ đáp rằng:

Coi trong sách thuốc có bằng luận minh.

Tiếp sanh lại với thân sanh,

Tiếp, thân, hai chữ, là danh mụ bà.

Chờ con trong bụng sổ ra,

Ấm bông, lau rửa, ấy là phận ta.

Xưa nay làm phận đàn bà,

Tới ngày sanh đẻ, như hoa trên cành.

Hoa kia nở nhụy có chùng,
Đàn bà chứa ghen thời đừng sợ chi,
1055.- Thú cầm là loại vô tri,
Tới chùng chuyển bụng, mụ gì sửa cho?
Làm người chẳng biết so đo,
Cứ toan theo mụ, rủi ro cho mình,
Gẫm vật hóa hóa sinh sinh,
Mấy trời có sẵn trong mình người ta.
No ngày, khảm tháng đẻ ra,
Mẹ con mạnh khỏe, thầy bà làm chi?
Miễn cho giữ nét đứng đi,
Theo bề ăn ở, đừng khi thánh thần,
1060.- Dầu cho đẻ mấy mươi lần,
Dễ hơn súc vật muôn phần, nào lo?

*

* *

Đây đà dứt việc hỏi phô,
Đem nhau tới chốn Phong đô tách vôi.
Ra đi tới cửa thứ mười,
Lại gặp ba người quân dẫn đi xin.
Họ Hà dừng bước đứng nhìn,
Một người hình dạng thật in ông mình.
Hà Năng chợt thấy hãi kinh,
Vừa mừng vừa khóc thành linh nói ra:
1065.- Hỏi rằng: Hà Mậu cháu ta,...

(Lược)

1069.- Cho hay sự dĩ đáo đầu ;
Chưa về cõi thọ ai hầu biết khôn.

(Lược)

1073.- Bấy lâu cầm ở ngục hình,
Một mình chịu khổ, sự tình xiết bao,

Đã không tiền bạc theo tao,
Cũng không dòng họ người nào ở đây,

*

* *

1075.- Gặp nhau chưa hết tình bày,
Tạo Y quỉ sứ kéo ngay ra về.
Rằng: Mười giờ hết phải về,
Dùng dằng đây nữa khó bề hồi dương,
Nói thôi trở gót vội vàng,
Họ Hà, Ông, cháu, hai đảng phân ly,
1078.- Năng rằng: Cháu hãy về đi!

(Lược)

1081.- Nói thôi hối cháu trở lên,
Cám thương Hà Mậu chẳng quên mọi lời.

*

* *

Thứ này đến chuyện trên đời,
Dương Từ, Hà Mậu, về nơi Tiên đài.
Lão Nhan ở núi Thiên thai,
Ngồi chùa Linh diệu, hôm mai đợi chờ.

1084.- Đánh tay đã đủ mười giờ,
Đốt phù làm phép, như xưa hoàn hồn,

(Lược)

1087.- Thầy rằng: Đã thấy rõ ràng.
Ta phân gốc ngọn hai chàng đặng hay,

(Lược)

1109.- Họ Hà nghe nói rõ ràng,
Chạnh thương đời trước, hai hàng lụy rơi.

1110.- Họ Dương quỉ lạy buông lời,
Hỏi rằng: Đạo Phật ở đời tin chẳng?

Tôn sư chúc chúc cười rằng Thối đời những mắc đạo xằng đua bơi,

Từ xưa trời tách ra đời,
Ba vua, năm đế, nối đời rất lâu.
Từ ngày có Phật đến sau,
Đến đời ngũ Quí hại nhau bởi bởi,
Nên hư , gương ở các đời,
Coi vào thời thấy, phải lời bàn chi?

*

* * 1115.- Dương , Hà, hai gã liền quì,
Hỏi rằng: Nho đạo dám bì tiên chẳng?
Tôn sư thông thả đáp rằng:
Đạo tiên cũng ở trong hằng đạo nho.
Đạo tiên theo việc nhàn du,
Đạo chơi non nước, chẳng cầu công danh.
Đạo nho lo việc kinh dinh,
Giúp trong nhà nước cho minh cương thường
Tiên xưa ở chốn thơ đường,
Một câu nho giáo, lòng càng chẳng quên,
1120.- Muốn theo tiên đạo cho bền,
Phải tòng nho đạo mới nên phận mình,
Hai người đều khá hỏi trình,
Đạo nào làm phải mặc tình ráp theo,

*

* *

Thưa rằng chút phận cheo leo,
Non xanh, nước biếc, xin theo đạo thầy,
Thầy rằng một cõi tiên này,
Tiên duyên chưa dứt ở đây khó bề.
Sao sao cũng phải trở về,
Sửa sang nhà cửa trọn bề sẽ hay.
1125.- Hai người đồng tiếng thưa thầy,
Rằng: Xin ở lại vài ngày cõi tiên.

Tôn sư hồi Lý tri Niên,
Dạy đem hai gã đạo miền Thiên Thai,
Trải qua mấy chốn lâu đài,
Coi thơ tiên cảnh tám bài, thú xưa,

I.- Vịnh Sĩ Thú

*Long gồm kinh sử mấy mươi pho,
Vàng ngọc nào hơn báu học trò?
Cây trái rừng nho ra sức hái,
Lố gành biển thánh ráng công mò,
Cảm văn thêu dệt đời đời chuộng,
Đạo vị trau giồi bữa bữa no,
Gặp thuở mây xanh ngồi đọc sách
Một nhà đều hưởng lộc trời cho.*

II.-Vịnh Nông Thú

*Trải khi nắng hạ, lúc mưa thu,
Cày cấy ghe phen sức dãi dầu,
Cúi ngửa nương theo vài đám ruộng,
Làm ăn giữ vốn mấy con trâu.
Theo nghề *Hậu tặc* nhà không đói,
Chuyên việc *Mân phong* nước chẳng sầu,
Nhờ gặp mùa màng trời đất thuận,
Năm trăm giống thóc một tay trâu.*

III.-Vịnh Y thú

*Một túi linh đan chẳng ráo hơi,
Trong tay thường cứu mạng người đời.
Năm mùi tánh dược ngày xem xét,
Trăm trứng thang danh bữa đổi đời.*

Bệnh tới, chẳng cầu người khó đói, Mịch coi, liền ngán kẻ ăn chơi

*Xưa lời quốc thủ khen rằng phải,
Giúp sống dân ta trọn lẽ trời.*

IV.-Vịnh Bốc Thú

*Trái đời thường chuộng báu thi qui,
Phưởng phát mùi hương chúa Phục hy,
Tám quẻ khai ra đường bí yếu,
Sáu hào xây để máy u vi.
Cát, hung, muôn việc vãi lời đoán,
Thời vận ngàn năm một lẽ suy.
Bày vẽ tháp trời, hang đất đỏ,
Những con mắt tục mấy người tri,*

V.-Vịnh Công Thú

*Hóa công máy móc ở đâu nà,
Trăm thợ nhân gian mọc nảy ra,
Sáu phủ đua làm nghề khéo léo,
Năm hành sắm đủ của xây xa.
Màu tường đơn kép theo hình vật,
Mọi việc lâu mau mặc ý ta.
Máy tạo trong tay nào có vụng,
Chỉ lăm nên giống nước cùng nhà.*

VI.-Vịnh Thương Phú

*Một câu thế lợi mở muôn nguồn,
Giàu khó theo người việc bán buôn
Các chợ sanh tài trăm họ nhóm,
Mấy ghe hóa trị bốn phương ruồng.
Trái cân Yén Tử còn roi dẫu,
Quyển sổ Đào Công chẳng mất tuồng,
Chờ giá một mai may gặp vận,*

Ra vào biết mấy của ngàn muôn.

VII.-Vịnh Ngư Thú

Ai nói rằng nghề hạ bạc hư?

Chớ chê chài lưới thói bản xừ,

Biếng theo ông Lữ câu danh lợi, Sánh với thầy Viên bói thủy ngư,

Gánh cá giang hồ trăm chợ đủ,

Chiếc thuyền phong nguyệt bốn mùa dư.

Trợn nhờ lọc nước vui ngày tháng,

Giềng mối trong tay giữ chặt khư.

VIII.-Vịnh Tiều Thú

Thánh nhân còn gọi kẻ sô nghiêu,

Người chớ nên khinh thói lão tiều,

Ngày tháng nghinh ngang vãi gánh củi,

Núi non dọn vén một tay rừ,

Lộc rừng cũng đủ bề hôm sớm,

Nghề cũ nào lo vốn ít nhiều.

Theo vận vui trời, nhờ cán búa,

Mặc đời Kiệt, Trụ, mặc đời Nghiêu.

Coi rồi tám thú thơ hay,

Họ Hà ngẫm nghĩ bèn day hỏi liền,

Hỏi rằng: Đây vốn cảnh tiên,

Cớ sao chuộng thói theo miền phàm dân?

1130.- Niên rằng: Một gốc thiên dân,

Người tiên sánh với phàm trần đâu xa.

Từ trong tám thú trở ra,

Việc đời rồi rảnh ấy là thần tiên,

*

* * Hai người theo Lý Tri Niên

Ở Trong Vân động kết nguyên đồng tâm,
Ngày ngày thông thả ca ngâm,
Cùng nhau vui thú quỳnh lâm, dao trì,

*

* *

Lối này tới lối Châu Kỳ,
Chạnh lòng nhớ bạn cố tri họ Hà,
1135.- Liền năm liền tháng tới nhà,
Hỏi thăm tin tức, lâu đà thon von.
Liễu nương ở với hai con,
Mượn người tìm khắp nước non mọi làng.

Long môn từ vắng mặt chàng,
Tình nhà man mác, lòng nàng héo don.

Lìa nhau đã tám năm tròn,
Trông chồng đã mới, thấy con thêm sầu,
Tuổi già mà lại hay đau,
Tắt hơi khó nổi ngồi lâu chờ chồng,
1140.- Châu Kỳ thang thuốc giúp công,
Số trời khôn cải, hết lòng thời thôi.

*

* *

Liễu nương từ thuở thác rồi,
Hai con tám tuổi, mồ côi nhà nghèo.
Cậu, cô, ép uống khiến theo,
Đọc kinh xem lễ giữ lèo lái xưa.
Tuyết, Băng, lòng vốn chẳng ưa,
Chị em giữ phận đẩy đưa tiếng người,
Nói rằng: Theo đạo năm đời,
Trong khi nào thấy có lời chi hay,
1145.- Cha già đi mất lâu nay

(Lược)

1146.-Độc kinh xem lễ làm gì?
Ôn cha chẳng đoái, còn ghi đạo nào?

*

* *

Cậu, cô, ghét tiếng cầu cao,
Bỏ điều đôi rách, lẽ nào trời thây!
Chị em hăm hút qua ngày,
Trời sanh trời dưỡng, xày xày cũng xong.

Châu Kỳ thấy cũng động lòng,
Liên cho tiền gạo để phòng nuôi nhau.

1150.- Chị em bàn luận cùng nhau,
Việc cha thuở trước họ Châu nói liền.

Rằng: Cha theo Lý Tri Niên,
Dem đi tìm đạo cảnh tiên non Bồng.
Vả đây lên chốn non Tùng,
Đường đi hiểm trở, hầu mong cũng gần,
Muốn choặng chữ "hiến thân",
Phải đi lên đó một lần cho hay.
Tìm cha thời phải hỏi thầy,
Mất còn cho hẩn, lòng này mới an,

*

* *

Chị em cơm nước sửa sang,
Nhằm chừng Tùng lãnh băng ngàn phẳng phẳng.
Cám thương Xuân Tuyết, Thu Băng,
Tuổi còn thơ ấu, nhọc nhằn xiết bao!
Tìm cha nên chốn non cao,
Kể nào thú dữ, màng nào thành thoi.
Chị em đi quá nửa ngày,
Hỏi thăm chẳng thấy, trở quày lộn ra,
Hai bên cây đá giao hoà,

Trong non nào thấy cửa nhà chi đâu,
1160.- Đường chim dấu thô, luôn nhau,
Chị em ngơ ngẩn khôn cầu đường ra,
Non đoài bóng ác hầu tà,
Cùng nhau lần bước đi qua Thạch bàn.
Thạch bàn lại có khe ngang,
Mở cơm ăn uống, rồi toan hỏi người.
Dưới chân đau mỗi khôn dời,
Cùng nhau lần thân, phút trời hoàng hôn.
Khóc than tiếng dậy như cồn,
Kêu rằng: Cha hỡi! linh hồn ở đâu?
1165.- Chứa chan muôn thảm ngàn sầu,
Hai con sống thác, ai hầu biết cho?
Dắt nhau lên đá nằm co,
Khóc rồi lại ngủ, biết lo phương gì.

*

* *

Non cao cây cối rậm rì,
Nằm queo lại ngủ, gặp kỳ đêm đông.
Thương thay! Sương tuyết lạnh lòng,
Năm canh đá gối, sương mừng, xiết bao!
Bóng trăng vừa thấy lên cao,
Một bầy thỏ bạch nhảy vào mừng vui.
1170.- Nằm khoanh trên đá nổi đuôi,
Bao nhiêu sương tuyết, lông chùi sạch trơn.
Đêm đông hơi ngáy tợ đờn,
Chị em giấc ngủ nhờ ơn đấng bên,
Vàng ô vừa lộ bóng lên,
Giật mình trực thấy, thỏ bên nhảy liền,
Ngày sau việc ấy sách biên:
Tướng tinh mộng [nguyệt](#) ; kết duyên Dương Hà.

Mặt trời vừa ló sáng ra,
Chị em lòng đói, xót xa phận mình.
1175.- Chim đầu bay tới thành linh,
Xanh lông, đỏ mỏ như hình sơn son.
Đậu trên đầu đá hai con,
Trái đào, mỏ gấp quăng lòn xuống cho.
Chị em cầm ngửi thơm tho,
Nhờ ăn đào ấy, đừng no tấm lòng.
Chưa hay điặng cùng không,
Đoạn sau mới biết cùng, thông, mọi đàng.

*

* *

Thứ này tới chuyện Tấn vương,
Sửa sang nhà nước, bốn phương vững vàng.
1180.- Buổi chiều đông mặt bá quan,
Hai bên văn võ đều bàn việc dân.
Có quan Bảo giá họ Tần,
Quì dâng lời sớ ở phần Dự châu.
Tấn vương xem thấy lòng sầu,
Mới hay một trấn Dự châu mất mùa.
Phán rằng: Nghiêu, Thuấn, làm vua,
Chín năm nước lụt mà mùa chẳng hư;
Vì lòng lo sợ có dư,
Phải toan chữ "đức" đặng trừ chữ "tai".
1185.- Ngày nay châu Dự cõi ngoài,
Muôn dân đói khó, nào ai đỡ đần!
Tần Khanh trước bộ liên tâu:
Xin đi kinh lược Dự châu một lần.
Trước là **chấn thái** muôn dân,
Sau răn quan lại, khỏi phần gian tham.
Tấn vương y tấu cho làm,

Phê rằng: "Thay trầm, đông nam tuần hành".

*

* *

Tần Khanh phụng chỉ triều đình,
Thối triều sấm sủa, giàn binh mã rồi,
1190.- Về dinh tạm nghỉ một hồi,
Phu nhân liền đặt lễ bồi xin đưa.

Thưa rằng: Cấm nổi **dây dưa**,
Đoái câu "**lân chi**", nhà chưa phải nguyên
Nay ông vâng lệnh tuần biên,
Ra ơn, làm phước, cầu duyên phận mình.
Hoặc là trời chút thương tình,
Sớm cho đặt chữ **minh linh** nổi dòng.
Miễn là nổi nghiệp cho ông,
Tôi, phần liễu yếu dám trông lẽ gì!

*

* *

1195.- Tần Khanh từ giả ra đi,
Rần rần xe ngựa một khi đăng trình.
Ngưỡng chiêm kỳ, cổ, nghiêm minh:
Trải qua các trấn, sanh linh đều mừng.
Đua nhau rượu thịt đem dâng,
Đốt hương, đội trạng, tung bừng xã thôn.

*

* *

Mười ngày tới huyện long môn,
Xảy vừa gặp lúc hoàng hôn bóng **vây**.
Huyện đường xin rước vào đây,
Truyền quân tạm nghỉ rạng ngày sẽ đi.
1200.- Đêm đông tiếng trống trì tri
Bóng trăng thấp thoáng **trúc ly** lối vào

Tần Khanh nằm thấy chiêm bao,
 Hai con thỏ bạch nhảy vào trong tay,
 Giựt mình bèn thức dậy ngay,
 Ngồi bàn chưa rõ điềm này cát, hung.
 Phút đâu trời đã hừng đông,
 Đòi quan Tri huyện, hỏi trong dân tình,
 Chỗ nào oan khúc cho mình,
 Chỗ nào non nước anh linh cho tường,
 1205.- Huyện quan bày vẽ mọi đường,
 Rằng: Non Tùng có nhiều phương, thú cầm.
 Nghĩ trong điều ấy nghi thâm,
 Truyền ra một lệnh: sơn lâm **liệp điền**.
 Huyện quan sắm việc săn liễn,
 Dem đi lên chốn sơn xuyên giải buồn.
 Truyền quân vác lưới, chiêu muông,
 Nhắm chừng Tùng lãnh, đi ruộng vào săn.
 Non xanh cây mọc giăng giăng,
 Hươu nai, dẫu đá lấy ngăn chặt đàng.
 1210.- Trãi qua vừa tới Thạch bàn,
 Hai con thỏ bạch bên đàng nhảy đi,
 Tần Khanh xem thấy lòng nghi,
 Truyền quân bốn dẫu, lưới vây tư bề.
 Tìm theo tới chốn Hoàng Khê,
 Thấy hai gái trẻ nằm kề ngủ trưa.
 Quân hầu chưa kịp lời thưa,
 Tần Khanh bước tới thấy vừa lòng thương.
 Nói rằng: Điềm mộng mơ màng,
 Thật trời cho lão gặp đàng minh linh.
 1215.- Giã ỡn non nước thần linh,
 Đi săn không thú, đã đành gặp con.
 Bèn kêu thức dậy hỏi đon,

Việc chi dám tới núi non chốn này?

Tuyết, Băng thức dậy mới hay,
Cúi đầu bèn lạy, tỏ bày đầu đuôi.

Thưa rằng lỡ bước tới, lui,
Đói lòng nhờ có chim nuôi ba ngày,
Tần Khanh nghe rất mừng thay,
Con ai khéo đẻ, mặt mày tốt tươi.

1220.- Lệnh truyền bãi việc săn chơi,
Dem hai gái ấy về nơi huyện đường.

*

* *

Tần Khanh ngồi giữa huyện đường,
Đòi ra hạn hỏi họ đương việc nhà.

Hỏi rằng hai trẻ tìm cha,
Rằng ai vẽ ngõ chỉ nhà cho đi?

Mới thưa rằng: Có danh y,
Bạn cùng thân phụ, Châu Kỳ là tên.
Tần Khanh đòi họ Châu liền,
Cùng là cô bác ở bên họ Hà.

1225.- Tần Khanh hỏi việc họ Hà,
Châu Kỳ gốc ngọn thưa qua rõ ràng.

Tần Khanh mới rõ lòng vàng,
Khen rằng: Bỏ đạo Hòa lan phải rồi.

Cho hay gà, hạc, khác ngôi,
Cây hiên, trái bấu, biết mùi, mấy ai?

Bà con nội ngoại vừa hai,
Chớ rằng ai đại, trách tay các người!

Tuyết, Băng là gái thờ Trời,
Ta xin nuôi lấy, cải đời theo ta,

1230.- Châu Kỳ quì lạy trở ra,
Họ hàng nghe nói, trẻ già đều ưng.

*

* *

Tuyết, Băng, thay áo, đổi quần.
Phận làm dưỡng tử, lễ dâng lạy rồi.
Tần Khanh sai kẻ tổng hồi,
Phu nhân mừng đặng con nuôi trong nhà,
Ấp yêu như ngọc, như ngà,
Dạy bề đức hạnh, nét na thêm nhuần,
Xuê xang cốt cách mười phần,
Họ Hà cải lại họ Tần, rất vinh.

Chú thích:

cát mười: đếm ăn gian từng chục. Như mua đồ đếm đến con số một trăm tám chục, mà rồi số đếm: một trăm bảy mốt.

xàng xàng: hoài hoài, không thôi.

đại thơ: viết thể cho, viết giùm cho.

thế y: thầy thuốc cha truyền con nối,

Trống xây: Điệu bóng đánh trống rồi, vừa đánh vừa xây cái trống trong tay,

u đồ: đường tới,

Chối, quày: Đông y xưa tin rằng thai trở đầu lên, chùng đẻ mới quay đầu xuống.

Hậu tặc: nói về việc canh nông. Hậu Tắc là chức quan coi về việc canh nông đời xưa. Thi tổ nhà Châu làm chức Hậu Tắc.

Mân phong: Mân phong là một thi

Việc cha thuở trước họ Châu nói liền:

nguyệt: bạch thỏ

chấn thả: giúp và cho vay

dây dưa: dòng dõi. Lấy điển câu "miên miên qua diệt" trong kinh Thi

lân chỉ: gót lân, có con nổi dòng, chữ lấy ở kinh Thi

minh linh: con nuôi

vây: nguyên chữ "vi" bao phủ

trúc ly: dậu trúc

liệp điền: đi săn

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

1235.- Tuyết, Băng nay đã yên mình,
Ở nơi công phủ, theo tình phu nhân.
Tần Khanh xe ngựa rần rần,
Từ nơi huyện ấy, trông chừng Dự châu.
Các quan lại, tới bữa hầu,
Tờ chương, tờ biểu, bày tâu nhộn nhàng.
Tần Khanh khiến mở cho tường,
Đặng cho lúa gạo, cứu hoang muôn nhà.
Nhớ ơn chẵn thái chư gia,
Một châu trăm họ, trẻ, già, đều vui.

*

* *

1240.- Sửa sang sáu tháng yên rồi,
Giã từ châu Dự, phản hồi Tần kinh.
Tần Khanh bãi yết triều đình,
Tần vương phán hỏi dân tình khắp nơi.
Phán rằng: Ta nói ngôi trời,
Gẫm mình ít đức, trị đời chẳng an.
Dự châu trời xuống tai nạn.
Cứu dân một cõi, nhờ chàng Tần Khanh.
. Công cao quyền trọng, đã đành.

Chức quan Tổng trấn sẵn đành phong người.

1245.- Hà đông là cõi tốt tươi,
Bảy châu, chín quận, nhiều người ăn chơi.
Nấy người thay mặt đổi lời,
Ra ngồi Trấn ấy, trị đời chẵn dân.

*

* *

Tấn vương lòng rất ân cần,
Yên diên thết đãi, quân thần đưa nhau,
Tần Khanh xuống bộ khăn đầu,
Tạ vua, lãnh chỉ, thối châu sửa sang.
Về dinh sắm sửa hành trang,
Đều đem nha lệ lên dâng Hà đông.

*

* *

1250.- Mười ngày tới huyện Hà Đông,
Các quan, xa giá, hội đồng tiếp nghinh.
Rước ông Tổng trấn vào thành,
Muôn dân nườm nượp đều tranh tới mừng.
Long môn huyện ấy ở gần,
Nam khang huyện ấy ở gần Hà đông.
Tần Khanh trấn thủ ai đồng,
Chánh ra bữa khắp, ngoài trong vững vàng.
Mấy câu gia huấn rõ ràng,
Nuôi con gái ngọc, dung nhan khác thường.

1255.- Phu nhân lòng rất yêu đương,
Lại cho học chữ cho tường xưa nay.
Tuyết, Băng hai gái xinh thay!
Đã thông kinh sử liền ngày ngâm nga.
Tiếng thơm ngày một đồn xa,
Chúng đều khen ngợi họ Hà phước to,

Tuy là hoa có thơm tho,
Vườn xuân còn đóng, chưa lò gió đông.

*

* *

Nói rồi việc ở cửa công,
Đây bèn kể chuyện vợ chồng họ Dương.

1260.- Dương Từ, từ thuở ly hương,
Một mình Đỗ thị nấu nướng quê nhà.

Nuôi hai con thuở lên ba,
Đến nay năm tuổi, trong nhà nghèo thêm.

Đỗ nương canh củi nghề, êm.

Bữa đi gặt mướn còn hèm thiếu ăn.
Dương Trân, Dương Bửu hai thằng,
Tuổi còn thơ ấu, nhọc nhằn xiết bao.

Bà con bên nội lãng xao,
Đồng tiền bát gạo, thấy nào giúp đâu.

1265.- Anh em nay vững, mai bầu,
Hái rau bắt ốc, nuôi nhau năm dài.

Đỗ nương có một em trai,
Tên là Đỗ Khoái, tuổi ngoài năm mươi.

Cũng trang tiểu phú trong đời,
Nhà nuôi lục súc chuộng lời, bán buôn,

Ngày nay rảnh việc ngồi buồn,
Chạnh lòng nhớ chị, bỗng tuôn lệ dầm

Nhớ thôi nghĩ lại tủi thâm,
Chị ta nào khác đàn cầm đứt dây.

1270.- Cám thương hai cháu thơ ngây,
Trong nhà bần bạc buổi này nhờ ai?

Anh đà theo Phật Như Lai,
Gia đình ấm, lạnh, đoái hoài chi đâu.

Nói thôi chẳng xiết dạ sâu,

Đi qua nhà chị ngõ hầu viếng thăm.
Đỗ nương mừng thấy em thăm.
Mừng rồi lại khóc đầm đìa lệ sa.
Em dầu đoái tấm thân ta,
Ruộng hoang vườn rậm, cửa nhà quạnh hiu.
1275.- Ruột gan khô héo mấy chiều,
Nỗi duyên, nỗi phận, nghĩ nhiều bề đau,
Vợ chồng kết tóc cùng nhau,
Trăm năm một hội, nghèo giàu cùng theo.
Hay đây tuổi phận bọt bèo,
Lại mang lấy tiếng ở lầu vọng phu.
Quản bao một chiếc bách châu,
Linh đình trong vực, mặc dầu gió mưa.
Cám thương hai trẻ dây dưa,
Tuổi còn thơ ấu, vóc chưa nên người.
1280.- Cứ quen theo thói ăn chơi,
Những điều khôn dại ở đời cậy ai.

*

* *

Nghe thôi Đỗ Khoái than dài,
Nói rằng: Chị chớ trông hoài uổng công.
Chị thời mang tiếng có chồng,
Gặp khi mưa nắng cậy cùng người ta.
Cháu thời mang tiếng có cha,
Hôm mai lo liệu như gà mỡ côi.
Oan gia anh trốn nợ rồi,
Chị già, cháu dại, còn ngồi trông chi?
1285.- Ở đây ít kẻ yêu vì,
Hãy theo bên ngoại đỡ khi nghiêng nghèo.

*

* *

Đỗ nương lo việc nghiêng nghèo,
Mẹ con sửa soạn ngõ theo đặng nhờ.

Hai thằng Trân, Bửu còn khờ,
Ăn rồi tìm chốn bụi bờ đi chơi.

Ở vừa đặng nửa năm trời,
Đỗ nương thấy vậy, buông lời nói ra:

Heo, dê, gà, vịt, trong nhà,
Coi dùm cho cậu, hơn là chơi không.

1290.- Khoái rằng: Chị đã có lòng,
Dạy con biết việc để phòng đỡ thân.

Xưa nay người ở trong trần,
Nhỏ phần việc nhỏ, lớn phần việc to.

Làm ăn lớn nhỏ đều lo,
Trước ra sức nhọc, sau lo bụng mình,

*

* *

Đỗ nương phận khó đã đành,
Hai con no đói rách lành có em,
Một bề ăn ở đặng êm,
Trong nhà dê, ngỗng, càng thêm đẻ lời.

1295.- Anh em Trân, bửu hết chơi,
Em thời chẵn ngỗng, anh thời chẵn dê,

Sớm đi thời tôi lại về,
Bầy nào theo nấy, chớ hề lộn nhau,
Đỗ nương ngó thấy thêm sầu,
Chạnh lòng nhớ bạn, giòng châu đượm nhuần.

Than rằng: chàng hỡi Dương quân!

Muốn tu còn nổi gót lân làm gì?

Dầu cho nên Phật từ bi,

Nữ nào ngồi ngó hài nhi nổi này!

1300.- Phải chi con có cha đây,

Sấm cho ăn học, theo thầy văn chương.

*

* *

Người nhà nghe nói liền thương,
Thưa cùng Đỗ Khoái đăng tường cơ quan.

Khoái rằng: Chị chớ thờ than,
Lòng em cũng đã thâm toan việc đời.

Ngỗng, dê, đăng mấy mươi lời?
Một cây hoa bút dưới trời, vinh hơn.

Chí nguyên nuôi cháu làm ơn,
Giúp nên cho chị, chẳng sờn lòng đâu,
1305.- Cháu nay mới sáu tuổi đầu,
Chờ nên tám tuổi sẽ âu học hành.

Từ đây hai gã tiểu sanh,
Theo bẻ dê, ngỗng, phận đành nuôi chăn,

Sớm trưa tìm chỗ cho ăn,
Rủ con nít lại nhiều thằng, xúm chơi.

Châu Khê là cảnh tốt tươi,
Ở vùng non nước nhiều nơi linh thần,

Thuở xưa lập miếu Hà phần,
Thờ ông giáo thọ ở gần châu Khê.

1310.- Trời chiều hai gã đi về,
Nghe ai đọc sách, tiếng kẻ miếu môn,

Hai thằng tuy nhỏ mà khôn.
Tìm vào trong miếu thấy tôn sư ngồi.

Vội vàng quì gối lạy rồi,
Thưa rằng: Xin dạy hai tôi học hành,

Tôn sư khi ấy hiện hình,
Trao cho quyển sách Văn minh vỡ lòng

Dạy rằng hai gã coi chung,
Việc trong kim cổ sẵn dùng nhiều nơi,

1315.- Thánh xưa hiền trước để lời,
Phò vua, giúp nước, sửa đời, dạy dân.
Học cho biết lễ quân thần,
Biết phần phụ tử, biết phần hiếu trung.
Dặn dò tua khá **thìn lòng**,
Chớ tham **của hoạnh**, đừng mong thói tà.
Nhiều người theo đạo nho ta,
Tiếng đồn hay chữ, vậy mà làm nhăng.
Bởi vì không xét lòng hăng,
Bỏ quên gốc cội, theo phần ngọn ngành,
1320.- Giàu nghèo có số trời sanh,
Trau mình giữ thẳng làm lành mới nên.
Hai con **chữ dạ** cho bền,
Một câu "**minh đức**" chớ quên thơ này.

Minh Đức Thi:

*Trên là quan trường dưới là dân,
Giữ tâm lòng lành, rảnh thắm thân.
Đi học phải toan tìm cội đức,
Đặng thời chớ khá dứt nguồn ân,
Bốn mùa đông rạng đều theo số,
Trăm họ giàu nghèo cũng có phần.
Xin giữ lòng hăng, dè việc quấy,
Một câu phúc họa, để trời cân.*

1322.- Dương Trâm, Dương Bửu từ đây,
Chịu thầy cho sách, liền xây trở về.
Bữa đi chẵn ngõng chẵn dê,
Sách đem theo học, chẳng hề chơi hoang.
Thường ra sơn cốc bên đường,
Bẻ cây tập viết **bốn đường chữ** xưa,

1325.- Ngày liền vào miếu hỏi thừa,
Mấy câu chữ mắc, lý chưa đặt rành.
Học hành mình biết cho mình,
Mẹ già cùng cậu sự tình nào hay.

*

* *

Phút đầu hơn một năm chầy,
Tôn sư điển ấy hết bày vẽ chi,
Lần hồi ngày tháng qua đi,
Vừa nên tám tuổi, gặp kỳ trùng dương,
Người xưa gặp tiết **trùng dương**,
Đều **lên kiếm núi, lánh đường họa tai**.

1330.- Có thầy dạy học cao tài,
Tên là Trình Kiệt ở ngoài Hạc lâu.
Làm người ở ẩn khôn cầu,
Gió trăng vui thú, công hầu mặc ai.
Thường đi non nước chơi hoài,
Đôi ba chén rượu, một vài câu thi.

Thơ Rằng:

*Cảnh xuân cho mát mấy mươi đều.
Gắm nhiều văn người phải gắng theo.
Luôn tháng ngày Châu tin phụng gáy,
Buồn non nước Tống tiếng quyên kêu,
Nhà nho leo lét công đèn lửa,
Biển thánh linh đình phận bọt bèo.
Ôm đạo một lòng trời đất thấy,
Luống vì bầy trẻ dựng làm nêu.
Than rằng: Sanh chẳng gặp thì,
phải cam ở dưới cán kỳ tư văn.
Một lòng giữ mối đạo hằng.*

*Trau lời thế giáo, cầm **dần** nhân luân.*

1335.- Phút đầu gặp bữa **thanh thần**,
Thật ngày trùng cửu, là phần cuối thu.

Dem bày trò nhỏ ngao du,
Tới non Cẩm thạch, ở đầu châu Khê.
Nghỉ xem phong cảnh ra đề,
Thấy hai ông lão ngồi kề trên non.

Lại xem bên bên **suối Son**,
Thấy bày hươu chạy như tuồng binh đi.

Ra hai câu đối nên kỳ,
Các trò ngơ ngáo, đáp chi xong lời.

1340.- Xúm nhau đương nghĩ đối chơi,
Phút đầu Trân, Bửu, đến nơi xem tường.

Trân rằng: Câu đối cũng thường,
Tôi xin đáp lại coi dường sức nao.

Tôn Sư Xuất Đối Đề:

Chữ "mao", chữ "điệt".

Hai ông lão tử ngồi trên.

Dương Trân Đáp Đối Đề:

Đàn sắt, đàn cầm.

Bốn kẻ vương tôn đứng trước,

Dương Trân đối một câu rồi,

Lại thêm Dương Bửu đối bồi một câu,

Tôn Sư Xuất Đối Đề:

Hùng hổ tỳ hưu,

Nhà tướng rằng muôn đội.

Dương Bửu Đáp Đối Đề:

Long lân qui phụng,

Nước vua gọi là bốn linh.

1342.- Thầy Trình thấy đối nên kinh,
Khen cho hai gã tiểu sinh thần đồng.

Thầy bèn gạn hỏi thủy chung,
Liên theo hai gã thẳng xông về nhà.

*

* *

Anh em Trân, Bửu về nhà,
Thưa cùng cậu, mẹ, đều ra mừng thầy,
1345.- Cùng nhau chuyện văn tỏ bày,
Rượu cơm thiết đãi, trọn ngày vầy vui.

Người trong làng xóm tới lui,
Mới hay họ Đỗ có nuôi thần đồng,
Thầy rằng: Nay dám bày lòng,
Xin nuôi hai trẻ theo dòng nho gia,
Hạc lâu về ở cùng ta,
Học cho biết đạo ngộ ra giúp đời
Đỗ nương, Đỗ Khoái vâng lời,
Đành cho hai trẻ theo nơi Hạc lâu.

*

* *

1350.- Hạc lâu là chốn nho lưu,
Ra công mài ngọc lưu cầu vẽ văn,
Anh em Trân, Bửu hai thẳng,
Nay đà khỏi việc nhọc nhằn ngỗng, dề.
Theo thầy Trình Kiệt ra về,
Đua nhau gắng sức học nghề văn chương,
Hôm mai ở chốn thơ đường,
Bao nhiêu sĩ tử đều nhường ngôi trên.
Nói ra thơ phú liền nên,

Sách coi qua mắt, chẳng quên câu nào.

1355.- Cho hay tuổi nhỏ tài cao,
Thông minh hẳn có trời trao tánh tình,
Đến khi đọc sách Thi Kinh,
"Lục Nga" thơ ấy động tình xiết bao.
Nhớ câu chín chữ cù lao,
Công ơn cha mẹ no nao đặt đền.
Chạnh lòng buồn tiếng khóc lên.
Giòng châu lai láng thấm trên đất dày.

*

* *

Anh em bái tạ ơn thầy,
Trở về viếng mẹ chầy ngày cách xa.
1360.- Nàng rằng: Mừng thấy con ta,
Bấy lâu thương nhớ mình già thêm suy,
Kể từ hai trẻ ra đi,
Ba năm học đạo, biết gì cùng không?
Mẹ già mòn mỏi lòng trông,
Nương lều, dựa cửa, bỏ công tháng ngày.
Thơ rằng: Đạo thánh kẻ bày:
Làm con thảo thuận tiếng hay xa đồn.
Thường xem trong sách thánh môn,
Hai mươi bốn thảo mới tròn người hay.
1365.- Ngưỡng trông trời rộng đất dày,
Ơn cha, nghĩa mẹ, sánh tày lưỡng nghi.
Ấu thơ còn chữa biết gì,
Lớn khôn lòng rất yêu vì hai thân,
Ngày xưa trong miếu Hà phần,
Hai con hỏi việc phụ thân đã rồi.
Hiềm vì non nước xa xôi,
Phận nhà khó đói ngủ ngủ khôn đi.

Bây giờ nhờ có cậu đây,
Con xin lên chôn am mây hỏi tìm.
1370.- Đổ nương nghe mấy lời êm,
Mây châu, mặt ủ, lại thêm buồn lòng.
Than rằng mình những luống trông,
Thấy con mà lại thấy chồng ở đâu!
Am mây dấu tích đã lâu,
Mất còn hai lẽ ai hầu thông tin!
Hai con dạ đã lâm đèn,
Biết bao giờ đặt mắt nhìn thấy cha.
Nói thôi nước mắt nhỏ sa,
Anh em Trân, Bửu, đều hoà khóc than!
1375.- Thừa rằng: Mẹ hãy tạm an,
Hai con mai sẽ lên đàn am mây.
Đổ nương lòng cũng ung vầy,
Sắm ăn cho trẻ phen này tâm cha.

*

* *

Am vân đường sá cách xa,
Cảnh chùa thầy Lộc, tên va Sãi mầm.
Anh em Trân, Bửu tới tầm,
Hỏi thăm tên họ, Sãi mầm chỉ ngay:
Nói rằng: Là tám năm nay,
Thiện Trai thầy ấy chơi mây quên về.
1380.- Thuở đi có chuỗi bò đề
Lâu nay chẳng biết cầm về tay ai.
Hỏi rằng: Hòa thượng là ai?
Đáp rằng: Cũng đã theo ngoài phương tây.
Hỏi: Ai thầy cả ở đây?
Đáp rằng: Vốn thật mầm này chớ ai
Bây là con nít nhà ai?

Khéo đem chuyện cũ hỏi hoài chẳng thôi.

Chùa này không chuối không xôi,
Không mang dầu cúng, còn rồi nói chi!

1385.- Anh em khôn xiết sầu bi,
Đạo coi bàn Phật một khi khuây lòng.
Thấy chùa thờ bức tượng Ông,
Nhện giăng, bụi đóng, kệ không hương đèn.

Anh em thấy tượng liền khen,
Khen rồi lại cảm, hiệp bèn làm thơ,
Cùng nhau xướng hoạ một giờ,
Tặng ông Quan Đế bài thơ khen rằng:

Tặng Quan Đế:

*Tám lòng ngay chúa thấu trời cao,
Năm ải khôn giữa một lưỡi đao.
Núi đất ba lời gìn nghĩa Hán,
Sông vàng hai trận trả ơn Tào.
Quyển kinh bát loạn tay nào mới,
Ngộ đuốc phò nguy gió chẳng xao.
Phải thuở Kinh châu ngồi giữ chặt,
Nguy, Ngô hai nước biết nài sao?*

Ngâm rồi bèn lấy cục than,
Viết vào tám vách rõ ràng tám câu

1390.- Anh em trước án khấu đầu,
Lạy ông Quan hầu, lui gót trở ra.

Đem nhau vội vã về nhà,
Thưa với mẹ già, đặt rõ nguồn cơn
Nàng rằng: tác dạ keo sơn,
Thấy con lại nhớ công ơn của chồng.
Tưởng là tách dặm non sông,

Am vân hôm sớm ra công tu hành,
Hay đâu còn nổi Lưu linh.
Trời dài đất rộng, một mình bơ vơ.
1395.- Xiết bao khe suối, bụi bờ,
Năm xương già rụi, biết nhờ ai hang?
Khóc thôi dùng lễ để tang,
Mẹ con chịu phục cho chàng họ Dương.

*

* *

Lần hồi ở chốn quê hương,
Anh em Trần, Bửu theo phương học hành.
Tiếng hay đâu cũng biết danh,
Tuổi vừa hai tám, tài anh khác thường.
Xảy nghe trên huyện Nam khương,
Tờ đòi sĩ tử tựu trường phú thi.
1400.- Bao nhiêu chúng bạn đều đi,
Anh em giành thứ nhất nhì đậu cao.
Về nhà sắm sửa níp, bao,
Lên Hà đông trấn đặt vào thu vi,
Hai chàng cất gánh ra đi,
Nửa đường xảy gặp trò thi trở về.
Nói rằng có bản treo đề,
Rao cho sĩ tử trở về khoa sau
Ngày nay có giặc Tây châu,
Lệnh sai quân trấn, lo âu giệp loạn,
1405.- Học trò ai nấy đều than:
Ba năm một hội, lỡ làng công phu,

*

* *

Xảy về đương lúc sơ thu,
Đi đường thấy cảnh dạ sầu nào nguôi!

Khắp nơi bờ cõi ngậm ngùi,
Gió tây diu dặt mấy mùi kỳ hoa.
Lá cây vàng rụng giờ chà,
Chim kêu dáo dạt người xa thêm sầu,
Hai chàng nghĩ việc trước sau,
Về đường phân nói cùng nhau mấy lời,
1410.- Trần rằng: Hồ đứng dưới trời,
Phận làm nhân tử ở đời chẳng may,
Cha thời sống thác nào hay,
Mẹ thời già yếu, liền ngày ngồi trông.
Tưởng là đèn sách nên công,
Sớm cho gặp hội mây rồng hiển **vang**.
Hay đâu gặp buổi ly loạn,
Lỡ bề báo hiếu, lỡ đàng lập thân,
Luận theo trong cõi phạm trần,
Ngọc lạnh chờ giá, biết phần ai mua?
1415.- Sau dầu đăng lộc nhà vua,
Xuân huyên chéch mác, se sua ai nhờ?
Bửu rằng: Danh lợi phỉnh phờ,
Ví như hình vẽ khó đo lòng trời,
Trời tây khó nổi vị lòng
Ngày xuân nhật thức như vòng én mau,
Thương thay mẹ đã bạc đầu!
Chưa hay bóng xế nhành dâu buổi nào!
Không nhà, không cửa, **nài sao?**
Chịu ơn nghĩa cậu biết bao giờ rồi.
1420.- Tình người ở bạc như vôi,
Mấy ai biết đạo tài bồi lấy nhau,
Ta dầu tốt bấu như châu,
Về nơi đáy biển, ai hầu biết cho!

*

* *

Anh em tỏ tấm lòng lo,
Xảy đà gần đến bến đò sông Tương,
Thấy toà cổ miếu bên đường,
Cây cao, bóng mát, vách tường phấn tô,
Cùng nhau tránh nắng bước vô,
Trước sân thấy có một hồ hoa sen,
1425.- Một hồ sen nở loã bè,
Đóa đua nở nhụy, đóa chen ngậm cười.
Trân rằng: Cảnh khéo trêu người,
Gắm hoa sen nợ giống người tài hoa,
Ta nghe sen nở bông ra,
Sớm: là mùa hạ; muộn: là mùa thu,
Hỡi ôi! sen chẳng gặp **châu**
Muộn, dầu trở tốt, ai hầu khen chi?
Hai chàng làm một bài thi,
Vịnh hoa sen muộn, ngụ suy việc mình,

Vịnh Thu Liên:
Sen hỡi là sen! tiếng chẳng hèn
Thấy sen lỡ vận tiếc cho sen
Ngậm cười trước hạ: hèn cũng thưởng,
Đua nở mùa thu: tốt mấy khen?
Gương mặt bắt phàm đâu biết dạng,
Bèo tai vô dụng gọi rằng quen.
Phải mà sanh gặp nơi tiên cảnh,
Lá rộng cao che khắp các bèn.

1430.- Anh em họa sướng thơ rồi,
Viết vô trong vách tô vôi rõ ràng.
Sau thơ, **lạc khoản** hai hàng,

Một hàng quê quán, một hàng tánh danh.

Dem nhau trở lại gia đình,
Nhờ cậu nuôi mình, chờ đợi khoa sau,

*

* *

Lối này tới chuyện tây châu,
Có người Vương Phục lòng âu phản thần.

Riêng cầu bên nước **Nữ Chân**,
Dem quân mọi rợ đánh phần Hà đông.
1435.- Tần khanh làm chức Nguyên nhung.
Ra ngăn Vương Phục, đánh cùng Nữ chân.

Giặc hung, oai thế lấy lòng,
Nguyên nhung đánh giệp đã gần hai đông,

Đánh rồi lũ kiến, chòm ong,
Tây châu một cõi lặng trong như tờ,
Ải lang vắng khói như xưa,
Nguyên nhung binh mã về bờ cõi châu.

Quân đi tới rừng Tương châu,
Tới toà cổ miếu gặp châu mưa đông.
1440.- Đóng quân vào nghỉ miếu trung,
Chờ trời tạnh ráo sẽ mong kéo về.

*

* *

Tần Khanh ngồi ngó tư bề,
Thấy trên vách phên có đề "thơ sen".

Xem qua thơ ấy liền khen,
Khiến đem bút mực, đọc bèn sao qua.

Nói rằng: Trời đất khiến ta,
Gặp trang tài sĩ sớm hoà nghĩa thân,
Nhớ nay Xuân Tuyết, Thu Băng,
Tuổi vừa hai bảy, vừa chừng đào yêu,

1445.- Đà nên lập lớp **thước kiêu**,
Giàn binh xạ tước, ngỏ chiêu anh tài.

Sao cho xứng gái, xứng trai,
Chữ tài, chữ sắc, sánh hai đôi lành.

*

* *

Nói rồi, lệnh dạy kéo binh,
Xếp thơ bỏ hộp, về thành Hà đông.
Đãi đẳng tướng sĩ đã xong,
Về dinh ngồi nghĩ lại trong việc nhà.

Tây châu từ thuở kéo ra,
Phu nhân có ghen đặng ba tháng rồi.

1450.- Nay về con đã biết ngôi,
Thật trời thân phước còn roi họ Tần,
Bèn đem chuyện ở miếu thần,
Cùng "thơ sen" ấy tố Trần Phu nhân,
Nói rằng: Hai gái Tuyết, Băng ;
Đã thông chữ nghĩa, lại nhuần nét na,
Người xưa muốn tính việc nhà,
Thấy người văn học, mới là xứng đôi,
Bấy lâu giấc giã chưa rồi,
Những lo sĩ tử bỏ nơi học trường

1455.- Ai dè bên huyện Nam khương,
Có hai sĩ tử họ Dương tài tình.

Muốn cho nên việc con mình,
Phải đòi phủ huyện, hỏi mình việc chàng,

*

* *

May đâu có huyện Nam khương,
Tên Trần Đoan, tới dân chương mừng hầu,
Mừng cho chín huyện, bảy châu,

Ở an lạc nghiệp đọc câu thẳng bình,
Tần Khanh ngồi chốn hậu đình,
Đòi vào han hỏi sự tình họ Dương.
1460.- Trần Đoàn thừa chuyện họ Dương,
Mẹ con, nhà cửa, tổ tông đầu đuôi,
Tần Khanh nghe rất mừng vui,
Cười rằng: Máy tạo khéo xui hiệp hòa.
Họ Dương sánh với họ Hà,
Song sanh điềm ấy, đôi đà xứng hai,
Nấy cho quan Huyện làm mai,
Xe dây Nguyệt Lão đặt hài lương duyên,

*

* *

Trần Đoàn vâng linh về liền,
Trở về tổng bảng, tờ truyền theo sau,
1465.- Rằng: Nay yên giấc Tây châu,
Tấn vương bệ ngọc mở châu ân khoa.
Huyện quan viết bảng treo ra,
Rao cho sĩ tử gần xa đăng tường.
Anh em Trần bửu hai chàng,
Đem nhau tới chốn huyện đăng ứng thi.
Anh em cùng đậu nhất nhì,
Trở về sắm sửa cùng đi tựu trường.
Trần Đoàn ngồi chốn hậu đường,
Đòi lại hai chàng, nói chuyện cầu hôn.
1470.- Dạy về thừa với gia tôn,
Đều dùng sáu lễ nghinh hôn một lần,
Trước lo kết nghĩa châu trần,
Sau là một nổi lập thân khoa này,
Hai chàng ngẫm nghĩ một giây,
Thừa rằng: Công học bấy chầy ra chi!

Ân vua đã mở khoa thi,
Để cho thử sức một kỳ sẽ hay,
May mà cánh nhạn cao bay,
Trấn quan khỏi tiếng bằng nay tư tình.
1475.- Chẳng may bằng hồ vô danh,
Huyện quan cũng khỏi nho sanh chê cười,
Trần Đoàn nghe thâm mấy lời,
Dạy về lo liệu tới nơi khoa trường,

Chú thích:

Chánh: Chánh trị.

thìn lòng: chủ được lòng mình.

của hoạnh: Hoạnh tài : của nhờ thế lực mà được, không hợp lý,

Bỏ quên gốc cội, theo phẫn ngọn ngành: Đây giải lời sách Đại học : nói bản mặt tu thân vi bản.

chữ dạ: ghi nhớ sâu sắc.

minh đức: là gốc, theo sách Đại học.

bốn đường chữ: bốn lối viết chữ tàu : triện, lệ, chánh, thảo.

trùng dương: mồng chín tháng chín.

lên kiếm núi, lánh đường họa tai: ngày trùng dương, nhiều người xưa bắt chước Đào Hoảng cảnh lên núi lánh tai họa,

dẫn: cái để chặn cho vật được vững,

thanh thần: thời buổi trong triều.

suối Sơn: dịch chữ châu Khê.

Đàn sắt, đàn cầm: Chữ mao chữ diệt đều có chữ chữ lão ở trên ; chữ sắt chữ cầm gồm có bốn chữ vương ở trên.

Lục Nga: Thơ Lục nga trong kinh Thi : kể công ơn cha mẹ sanh ta rất cù lao.

Hai mươi bốn thảo: Chỗ này lần thì - Nhị thập Tứ hiếu do người đời nguyên tên quách cư Nghiệp biên kể ; và lại trong Nhị thập Tứ hiếu có hoàng Sơn Cốc ở đời Tống Nguyên Hựu, sau đời Hậu tấn cả trăm năm.

Viết vào tấm vách rõ ràng tám câu: Ngày xưa dạo chơi non nước, văn nhân mặc

khách hay đề vịnh như thế. Những câu văn dỏ làm bản cả chốn đẹp.

ai hang: Hang là huyết. Ai chôn giùm ?

thu vi: Vòng mùa thu. Vào mùa thu, mở trường thi hương, lấy gai rập chung quanh, nên gọi thi hương là thu vi.

vang: giọng Nam nói trại chữ vinh.

Trời tây khó nổi vị lòng: Chỗ này mất vắn, không rõ người sao chữ nôm có nhảy câu nào chẳng ?

nài sao: dịch chữ nại hà.

gặp châu: thi buổi.

lạc khoản: câu chữ đề tên họ, ngày tháng, chỗ ở rồi bức họa, hay câu văn đã làm xong.

Nữ Chân: một giống rợ, gốc Hắc thủy, thuộc Liêu.

thước kiêu: cầu qua. truyền rằng ngày mùng bảy tháng bảy qua bắt đầu qua Ngân hà cho Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau.

Giàn bình xạ tước: Đậu công có gái quý, kén rể quý; mới vẽ hai con chim khổng tước nơi bình phjong, hứa thề hễ ai bắn trúng mắt chim vẽ thì gả con cho. Sau Lý uyên bắn hai phát, trúng hai con mắt, Đậu Công gả con cho Lý Uyên, tức là vua Cao Tổ nhà Đường. Con Đậu Công sau lên ngôi hậu - Gàn bình xạ tước : nghĩa là kén rể.

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

Hai chàng về lạy gia nương,
Cùng nhau bàn luận mọi đường gần xa.
Nàng rằng: Chút phận không nhà,
Mặc con toan liệu, mẹ già cũng ung,
Chớ lo dây đỏ vấn chun,
Lo công nghiệp buổi thanh xuân cho tròn.
1480.- Sau dầu danh tạc bia son,
Trời dành trong sách có con gái hiền.
Hai chàng thâm tạ nhà huyên,
Mang đồ tứ bửu lên miền Hà đông.

*

* *

Mười ngày lên tới Hà đông,
Tìm nơi lánh ở, mình không dạo đường,
Cùng nhau vô đủ ba trường,
Còn chờ treo bảng, chưa tường đỗ không,
Trần Đoàn lãnh việc mai dong,
Phải đi lên trấn, theo cùng họ Dương.
1485.- Mắc di chuyển vẫn dọc đường,
Tới nơi nghe chúng vào trường mới xong.

Hỏi tìm khắp hết tây đông,
Anh em Trân Bửu, đều không gặp rồi,
Bảy ngày kiếm ngược, kiếm xuôi,
Tới lui hai lẽ, **thẳng dùi** khôn toan,
Muốn về ra mắt Trấn quan,
Sợ e người hỏi hai chàng huyện ta.

May vừa cửa bảng xướng ra:
Dương Trân tên họ, Thủ khoa chánh vì.
1490.- Cử nhân Dương Bửu thứ nhì,
Ba ngàn sĩ tử một khi khen giỏi,

*

* *

Yến diên, áo mào, ban rồi,
Trần Đoàn đóng cửa rước lui hai chàng,
Dem ngay vào chốn công đàn,
Lễ dâng bốn lạy, rõ ràng nam nhi,
Trần Đoàn bèn lấy quyển thi,
Dâng lên trước **án** một khi khen liền
-Dạy rằng: Hai gã thiếu niên,
Chữ danh đã toại, chữ duyên thêm nồng.
1595.- Vàng dòng ta cũng chẳng dùng,
Muốn cho ngọc nhuận, sánh cùng băng thanh.

Lửa đôi có số thiên thành,
Chờ khi tháng tốt, ngày lành sẽ toan,
Nói rồi vào chốn hậu đàn,
Khiến đem hai chàng, ra mắt phu nhân.

*

* *

Phu nhân xem thấy rất mừng,
Rằng: Ôn trời khéo nhắm chùng định đôi,
Trai tài, gái sắc, phải rồi,

Nhà loan cửa phụng sánh ngôi, vui vầy,

1500.- Sai người **rước mẹ** qua đây ,

Chủ hôn cho trẻ kết dây sắt cầm,

Dương Trân, Dương Bửu đồng tâm,

Thưa rằng con nợ thanh khâm chưa rồi.

Trên đà thương cảm hai tôi,

Xin cho thỏa dạ rạng rồi công danh.

Tiểu khoa sau lại phỉ tình bách niên.

Công rằng: Lời nói rất **miêng**

Chữ quyền cùng với chữ duyên đi liền,

1505.- Thi hương sớm đã gặp duyên,

Chờ cho thi hội phỉ nguyên mới nên.

Nay đà làm lễ hỏi tên

Keo sơn chữ dạ cho bền ngày sau.

Hai con qua chốn thơ lâu,

Ở chơi vài bữa sẽ âu về làng.

Trần Khanh lại dạy Trần Đoàn

Khá tua bầu bạn hai chàng đi chơi.

Huyện quan trước án vâng lời,

Phải theo Trân, Bửu, chơi nơi thơ lâu,

*

* *

1510.- Tuyết, Băng hai gái riêng sầu,

Ngồi nơi hoa viện lo âu việc mình.

Tuyết, Băng cảm chữ minh linh,

Vò vò nuôi nhện công trình biết bao.

Riêng than chút phận má đào,

Gặp xuân chưa biết ngày nào đền ân.

Băng rằng nghe việc hòa thân,

Gẫm trong mình lại muôn phần xót xa.

Có cha mẹ mới có ta,

Có ta, mới có cửa nhà giàu sang.
 1515.- Mẹ kia đã xuống tuổi vàng,
 Cha xưa non nước khôn toan mất còn.
 Hai bên nội ngoại bà con,
 Đều người về đạo lại lòng cửa quan.
 Từ ta nương dựa cửa sang,
 Nào ai lui tới hỏi han thăm tình.
 Dầu không gặp nghĩa minh linh,
 Cội cây nguồn nước ở mình còn chi,
 Mai sau đặt chữ vu qui,
 Đã đành phận gái phải đi theo chồng.
 1520.- Trăm năm sống thác nhờ chồng,
 Một môn dòng họ đều không nhìn rồi.
 May còn chút tiếng con nuôi,
 Ví như trà dờ ướp mùi bông hoa,
 Nay nghe hai gã tân khoa,
 Cha đi tu mất, mẹ già khó khăn.
 Vốn không nhà cửa nghiệp hằng,
 Nhờ theo họ ngoại ở ăn học hành.
 Tiếc rằng trời đất thịnh linh,
 Khéo xe duyên phận cho mình quá ngang!
 1525.- Cha xưa về đạo Hòa lan,
 Chẳng ưa đạo Phật, không màng đạo nho,
 Cha nuôi nay chuộng đạo nho,
 Gả chồng cũng lựa học trò bậc cao.
 Cho hay duyên nợ buổi nào,
 Con Trời, con Phật, đều vào theo nhu (nho)
 Tuyệt rằng: Ta học đạo nhu,
 Đến nay mới biết công phu thánh hiền,
 Sửa sang ba mối, năm giềng,
 Dạy người thiên hạ vẹn tuyền tánh xưa,

1530.- Đặt làm sáu bản đàn xưa,
Có thi vận để tiếng đưa tơ đồng,
Ta nay rảnh việc nữ công,
Hòa đàn một tiệc giải lòng buồn ngâm.
Chị đàn sắt ,em đàn cầm,
Tay đàn, miệng đọc, thâm trầm nghe hay.

Xuân Tuyết Đàn Ngâm:
*Trời che đất chở đức cao dày,
Cha mẹ sanh con khó sánh tày.
Vậy có người hiền lo báo bổ,
Hai mươi bốn thảo dẫu còn nay.*

Thu Bãng Đàn Ngâm:
*Cha phải cha, con phải đạo con,
Rằng lành, rằng thảo, tiếng hay còn.
cây kiêu, cây tử, đời thường ví,
Chẳng trái lòng nhau mớiặng tròn,*

Xuân Tuyết Đàn Ngâm:
*Vua phải vua, tôi phải đạo tôi,
Sửa sang giềng mối mới lên ngôi
Minh lương hai chữ vậy trên dưới,
Nước trị nhà an, bốn biển vui,*

Thu Bãng Đàn Ngâm:
*Vợ phải vợ, chồng phải đạo chồng,
Vợ chồng là đạo đất trời thông.
Khó nghèo đều chịu giàu đều hưởng,
Kết tóc trăm năm trọn một lòng,*

Xuân Tuyết Đàn Ngâm:
*Anh phải anh, em phải đạo em,
Huân trì hai ống thổi nghe êm
Sang đồng một cội, là xương thịt,*

Sống thác nương nhau ở dịu niêm.

Thu Băng Đàn Ngâm:

*Làm người bậu bạn muốn nên danh,
Lời thẳng khuyên nhau ở lấy lành,
Giao mặt xưa rằng vàng ngọc báu,
Giúp lòng nhân nghĩa, lại thêm xanh,*

*

* *

Anh em Trân, Bửu, ngồi buồn,
Lén qua hoa viện đi luôn xem chơi,
Anh em vừa bước tới nơi,
Phút nghe trong viện có lời đồn ngâm,
1535.- Máy dây cầm sắt hòa thâm,
Đòn ngân **tiếp** với thơ ngâm ai hoài.
Hai chàng dừng bước vách ngoài,
Rõ ràng nghe đặn sáu bài thơ xưa.
Trời thu đương lúc nắng trưa,
Chị em ngồi nức, vừa ưa buông đòn.
Hai chàng ngoài vách mau chon,
Bước vào trong viện coi đồn những ai,
Hay đâu hiệp mặt gái trai,
Mày qua mắt lại, hoà hai ngõ ngang.
1540.- Tuyết, Băng mắc cỡ vội vàng,
Cúi đầu che mặt, hậu đàn trở vô.
Hai con thể nữ hầu cô,
Cắt đòn, bung hộp, nói phô đều cười.
Bửu, Trân, thấy cũng nức cười,
Bước vô trong viện kiếm lời hỏi qua.
Cho hay con tạo khéo ngoa,
Đạo tầm hoa, lại bỗng ra thấy người,

*

* *

Trần Đoan bạn với hai người,
Ở nơi hoa viện đã mười ngày rồi,
1545.- Thừa cùng quan trấn kíp hồi,
Tần công bèn dựng lễ bồi đưa ra,
Ban cho năm vóc vắn sa.
Sâm nhung, Thanh quế để già dưỡng thân,
Lại cho vàng bạc hai cân,
Của đưa chàng rể sắm phần ra đi.

*

* *

Mười ngày về tới châu Khê,
Người làng đón rước bọn bề lễ nghi,
Tiếng hay, đâu cũng yêu vì,
Hai thầy cử nhỏ đậu thi trở về.
1550.- Ai dè chặn ngõng, chặn dê,
Vận trời ngó lại ra bề người sang,
Bà con họ nội xa đàng,
Võng dù xin rước về làng thuở xưa.
Đỗ nương, Đỗ Khoái đãi, đưa,
Tiệc bồi năm bữa, mới vừa rảng rang.

*

* *

Dương Trân, Dương bửu, hai chàng,
Thừa cùng cậu, mẹ, hiệp bàn việc hôn.
Nàng rằng: Nhờ của công môn,
Ban cho vật quý, mình khôn chối từ.
1555.- Chưa hay hai gái hoa tươi,
Đứng trong đào liễu đua cười mấy xuân ?
Hai chàng đem việc họ Tần
Đón nơi hoa viện đều phân tỏ tường,

Nàng rằng: Nhờ phước tổ đường.
Cho con gặp thuở khoa trường nên danh.
Nhờ trời phước đăng chữ vinh,
Sau rồi sẽ liệu gia đình mới xong.
Hai con vào chốn thơ phòng,
Ôn nhuần kinh sử lo vòng thi xuân.

*

* *

1560.- Lần hồi ngày tháng tới gần,
Dem nhau cất gánh trông chừng Trảng an.
Hai chàng đi tới Tấn bang,
Vào trường thi hội, bằng vàng đồ cao.
Trước đèn đứng lạng đầu ngao,
Dương Trân Bảng Nhãn, Bửu vào Thám hoa.
Tuy không dành Trạng nguyên khoa,
Cung thêm, tháp nhận cũng là á khôi.
Hót hoa, bào gấm ban rồi,
Quỳnh lâm mở tiệc, chúa tôi phỉ lòng.

1565.- Tờ truyền tới trấn Hà đông,
Tần Khanh văn tín vợ chồng đều vui.
Truyền quân lập tức trông hồi,
Tới Nam khang huyện dọn ngôi công đảng.
Cứ theo Trà thạch các làng,
Cất làm nhà cửa nghiêm trang một tòa,
Giấy nêu rường cột nguy nga,
Nam khang một huyện ít nhà dám đang,
Dọn rồi án kỷ rõ ràng,
Xảy vừa tới lúc hai chàng vinh qui,

*

* *

1570.- Bằng vàng tán đồ, đều đi,

Ngựa xe võng giá oai nghi chói lòa
Lại thêm áo mào giò ra,
Lịnh ban gấm nhiễu ngọc ngà thiếu chi,
Khắp nơi châu huyện đều vì,
Thổi kèn, gióng trống, ra đi rước mừng.
Cho hay đồ tía sắc xuân,
Đề dành trong sách giới thân học trò.
Thật nhờ họ Đỗ ơn to,
Lúc này mới đặt trời cho sang giàu.
1575.- Châu Khê đùm đậu bấy lâu,
Đền ơn nhờ cậu, trước sau phi tình,
Hạc lâu là chỗ dương danh,
Anh em trả nghĩa sư sanh cũng tròn.
Nay đã đẹp mặt mẹ con,
Ở nơi Trà thạch ăn ngon, mặc lành,
Nhờ vua hai chữ hiển vinh,
Một môn dòng họ linh đình tới lui,

*

* *

Anh em Trân, Bửu chẳng vui,
Nhớ cha đi mất, ngùi ngùi thở than.
1580.- Dọn ra trước chốn công đường,
Đặt làm hương án, một bàn vọng lên,
Họ tên bài vị rõ biên,
Ăn chay năm đất chúc nguyên vong linh,
Theo nho dùng lễ tam sinh,
Đọc bài văn tế phi tình cha con.

Văn Tế Rằng:

Hỡi ôi!

1.- Trăng xế bóng xuân;

Mây giăng lâu Hạc.

2.- Thấy chữ "mặc liên" thơ cũ,
Chi xiết nào nùng;
Nghĩ câu ""phong mộc" người xưa,
Càng thêm bát ngát.
Nhớ linh xưa:

3.- Kinh sử đều thông;
Vận thời chẳng đạt,

4.- Công, danh, hai chữ,
Mơ màng bên gối hoàng lương;
Sự nghiệp một câu,
Lấp lửng trong gương bạch phát.

5.- Khấp chùa miếu cây hương cầu nòi giống,
Nghĩa cha con, nghĩa đã đặt tròn;
Trùm non sông lời nói để ghi lòng,
Tình chồng vợ, tình đâu ở bạc!

6.- Thừa ư cấp một gậy thiền;
Bỗng chốc bẻ hai gương nhạc,

7.- Xiết bao đường sá xa xôi;
Thêm nổi cửa nhà man mác!

8.- Đau đớn thay! một cụm tàn huyên;
Ủ ê bấy! hai cành hoa ngạc,

9.- Ngoài bảy chục xuân thu,
Còn thêm nữa: vó câu qua cửa,
Khôn rõ nổi xa gần;
Trong ba ngàn thế giới,
Biết bao nhiêu dẫu tỏ lên đèo,
Khó lường nơi sống thác,

10.- Tu gặp chùa nghèo;
Chơi làm cảnh khác.

11.- Sớm hôm chuông mõ,

Xưa am mây đã chót nhọc nhằn;
 Ngày tháng tương đưa,
 Nay rừng bụi ai cùng mận lạt ?
 12.- Làng Trà thạch, đá buông lời nói khổng,
 Biết đâu tìm dấu Như Lai;
 Đất châu Khê, hoa chảy nước mắt đầm,
 Khó nổi hỏi tin Bồ Tát.
 13.- Phải gặp thuở qua miền Đông độ,
 Rước cha trở lại,
 Trong nhà cũng có thích Già;
 Nào ai biết tới cõi tây phương,
 Xin cha lộn về,
 Ở nước há không Di Lặc ?
 14.- Hộ; là cây, mất cha nào cây,
 Muốn hỏi han mà cửa Phật vắng hui;
 Ai; là thương, thấy mẹ thêm thương,
 Luống trong nhớ, mà tuổi trời nặng vác.
 Hỡi ôi!
 15.- Sang giàu một giấc,
 Mây nổi hoa tàn;
 Sự nghiệp trăm năm,
 Nước xao, bèo dạt!
 16.- Đã biết: cha nghề nào, con nghề nấy,
 Mới phải nhân tình;
 Há ngờ cha đường nọ, con đường này,
 Cũng vì **thiên các**...
 17.- Vái Phật mở câu giới cấm,
 Hưởng cô nhi mấy tiệc cỗ bàn;
 Nhờ vua đặt chữ vinh qui;
 Xin **hiển khảo** dùng thoi vàng bạc.

Độc rồi vãn tế linh cha,
Một môn già trẻ, đều hoà khóc than,
Vô, ra, dù, vông, nhộn nhàng,
Đãi đàn trên dưới cổ bàn, no say.
1585.- Tiệc mừng vừa đủ mười ngày,
Tần khanh sai kẻ lễ bày đính duyên.
Mừng cho hai rể đặt tiên
Ngàn năm tiếng rạng, danh biên thẽ ngà.
Hai chàng Bảng nhãn, Thám hoa,
Khiến người lên tạ nhạc gia ơn, rồi.
Lương duyên hai chữ thêm giỏi,
Trần Ddoan vừa tới lo bồi nghinh hôn.
Đỗ nương vâng lệnh công môn,
Chờ ngày giờ tốt nghinh hôn đem về.
1590.- Sửa sang sáu lễ nên xuê,
Họ hàng mới nhóm, toan về phụng chiêm.

*

* *

Hay đầu trăng tỏ mây êm,
Hằng ga núp bóng cung Thiềm bạc sao!
Hỏi đôi chén ngọc chờ trao,
Dương Trân nhuộm bệnh liền đau thương hàn,
Trong nhà lo việc thuốc thang,
Rước thầy hay trị, ngày càng ốm hư,
Tần Khê có dạ ưu tư,
Ra tở khắp chốn cầu sư tới liền.

*

* *

1595.- lối này tới cảnh người tiên,
Nơi chùa Linh diệu ở miền Thiên thai.
Dương Từ, Hà Mậu hoà hai,

Bấy lâu ở chốn Quỳnh đài dạo chơi,
Theo tiên hầu nửa tháng trời,
tắm lòng rửa sạch, việc đời lãng xao.
Lão Nhan coi sổ Thiên tào,
Đòi hai người vào, nói chuyện trần duyên.
Rằng: Hai họ có căn duyên,
Trời đã trước định, kết nguyên thân gia.
1600.- Rày nên sum hiệp một nhà,
Con trai, con gái, thầy đã thành thân.
Họ Hà nghe nói hỏi phăng,
Rằng tôi đi khỏi mới gần nửa trăng.
Trong nhà hai gái còn măng,
Tuổi trời chưa mấy, sao rằng thành thân ?
Đáp rằng trên dưới có phần,
Non tiên một bữa, cõi trần một năm,
Toán theo giáp tý thời lâm,
Tuyết, Băng nay đã mười lăm tuổi rồi.
1605Đạo trời đã biết thời thôi,
Hai người khá kíp phản hồi cố hương,
Lão Nhan làm phép thâm đường,
Cho hai hoàn thuốc cứu chàng Duiương Trân,
Hai người về cõi hồng trần,
Sang giàu chung hưởng nhờ phần lộc con,
Lộc con là lộc trời còn,
Nhân luân hai chữ vuông tròn mới an.

*

* *

Hai người từ biệt Lão Nhan,
Ra nơi Vân động, theo đảng ngày xưa.
1610.- Tri Niên họ lý theo đưa,
Dùng đảng cửa động còn chưa chỉ đường,

Rót ra hai chén quỳnh tương,
 Rằng xin gượng uống về đường cho an,
 Từ đây xuống chốn dương gian,
 Non tiên xa cách khôn đành trở lên.
 Gặp nhau biết lấy chi đền,
 Chút duyên bèo nước nào quên tình này,
 Ngàn năm bóng gió ở đây,
 Riêng than chim nhận rẽ bầy kêu xa,
 1615.- Vội vàng nào kịp hái hoa,
 Dương quan cảnh liễu gọi là đưa nhau,
 Của đưa nào báu chi đâu,
 Sao bằng mùi đạo tám câu năm vần.
 Ta xin bắt chước cổ nhân,
 gọi thơ đưa bạn dương trần ngày nay.
 Thơ Đưa Hà mậu Long môn chốn cũ lại bên ba,
 Non nước băng khuâng cảm họ Hà.
 Nước Thánh năm đời lừa mắt tục,
 Rượu tiên một thuở rửa lòng tà,
 Đào nguyên khó hẹn tin bèo nhóm,
 Vân động riêng buồn tiếng hạc xa,
 Khôn, đại, sự đời người đã thấy,
 Nên mình rồi phải giúp người ta,
 Thơ Đưa Duiuong Từ Thiên thai xa cách cõi Nam khương,
 Hoa cỏ ngùi ngùi cảm họ Dương,
 Chùa Phật khôn cầm cây lão mại,
 Động tiên xin chuốc chén quỳnh tương.
 Chút tình bóng gió riêng cru bạn,
 Mấy dặm non sông vôi tách đường.
 Đói lạnh dẫu xưa ai cũng biết,
 Người về, nhà, nước, hiểm người thương
 Dương Từ, Hà Mas65u nghe thơ,

Than rằng: Nào biết bao giờ gặp nhau!
Cuộc đời là cuộc bể dâu,
Nước về doanh thăm, khôn cầu nguồn xưa.
1620.- Nói thôi nước mắt như mưa, tri Niên chỉ neo quê xưa đành rành,

*

* *

Thâu đàng nhờ có phép linh
Một ngày một ngộ, hồi trình chẳng xa
Dương Từ về đến quê nhà,
Đoái nhìn cảnh vật thấy ra lạ lùng.
Ngẩn ngơ đứng trước bình phong,
Minh nghi chưa dám vào trong công đường.
May đâu lại có Đỗ nương,

Dạo chơi ra cửa nhìn tường phu quân.
1625.- Hai hàng nước mắt rung rung,
Nửa thương việc trước, nửa mừng ngày nay,
Dương Từ lấy thuốc tiên hay,
Cho Dương Trân uống, kịp ngày lành mau.

Cha con chồng vợ gặp nhau,
Hỏi, phô, chuyện vãn, trước sau tỏ tình.
Gần xa đều tới thăm mình,
Coi đi tu đã nên hình Phật chi ?

Mười lăm năm bỏ nhà đi,
Nợ oan gia lại khéo ghì vào đây.
1630.-Nàng rằng : Từ ấy những nay,
Nghĩ trong phận thiếp liền ngày lụy tuôn.

Xiết bao gió chóp mưa luôn,
Chất sầu làm gói, nấu buồn làm cơm.
May nhờ hai trẻ danh thơm,
So bề nhà cửa dựng nòm nở ra,
Phải con chơi vọt theo cha,

Ôi thôi ! thân mẹ cũng ra ăn mày,
 Cho hay một trả một vay,
 Am mây đã trốn còn đây đi xa,
 1635.-Đói thời phở khuyến người ta,
 Tương chua, cơm hẩm, gọi là ăn chay,
 Coi chim quành quạch thời hay,
 Theo cây trái chín ăn chay đời đời.
 Bay đâu cho khỏi dưới trời,
 Tiếng kêu quành quạch già đời ra chi ?
 Chín rằng vận có thanh suy,
 Người đời sao khỏi hiệp ly lẽ thường.
 Bằng nay sum hiệp nhất đường,
 Hai con dâng lễ thọ trường cho vui,
 Trong nhà quan khách tới lui bộn bề.
 * * * Đoạn này Hà Mậu ra về,
 Long môn đất ấy, quán quê xưa rồi.
 Trạc nhìn nhà cửa hời ôi !
 Ngói chài, nóc sập, vách vôi gạch nhào,
 Ổ vò lưới nhện lao xao,
 Trước sân cỏ lán, ngoài rào ngả xiêu.
 Vợ con dẫu trước vắng hieu,
 Bếp còn ốc đẽ, thêm nhiều dế ngâm,
 1645.-Họ Hà thấy vậy động tâm.
 Hai hàng nước mắt ra đầm chéo khăn,
 Chưa hay duyên có sao rằng,
 Tới nhà em gái hỏi phăng sự tình.
 Mới hay rằng việc bất bình,
 Liễu thơ trước đã bỏ mình về quê,
 Tuyết, Băng, hai gái đương xuê,
 Ở cùng quan Trấn, bỏ nghề gia tô.
 Mậu rằng : Hai trẻ cải đồ,

Thật trời xui khiến còn mồ mả sau.
 1650.-Cám thương họ Liễu thác mau,
 Vợ chồng chẳng gặp theo nhau buổi này,
 Phải chi đừng sống lại đây,
 (lược) 1652.-Bà con dòng họ một phồn,
 Nghe lời nói lạ, tới đồn hỏi xãng.
 Mậu rằng : Nói việc Hà Năng,
 Cho con cháu biết, kéo rằng đạo hay
 Đốt nhiều vàng bạc thời may.
 Vái ông khỏi mắc ăn mây âm cung,
 1655.-Ai ai nghe cũng nảo nùng,
 Điều lau nước mắt khôn cùng thở than.
 * * * Tiếng đồn ra khắp các làng,
 Châu Kỳ tới viếng, hỏi han việc đời,
 Kỳ rằng : Muốn thấu đạo trời,
 Mười lăm năm trọn nỗi hơi đến giờ,
 Đã đành dấu trước bơ vơ,
 Đuốc xao vì gió, trăng lơ bởi mây.
 1659.-Viai nên có sự này,
 (Lược) 1660.-Đội ơn anh có công đi,
 Phải, chẳng, đã thấy, còn nghi lẽ nào.
 Ví như một giấc a giao,
 Mấy nguồn nước đục lòng vào đều tyrong.
 1662.-Mậu rằng : Nói lại đượm lòng,
 (Lược) 1663.-Nay ta cứ gốc mà phăng,
 Theo đường nhân nghĩa, chi bằng đạo nho.
 Trời sanh có một đạo nho,
 Ngàn nghề muôn nghiệp đều lò ấy ra,
 1665.-Cứ theo đơm quây ông bà,
 Quỷ thần chẳng giận, mồ ma không hờn.
 Nay đã rõ đừng nguồn cơn,

Dạy đời con cháu đội ơn thánh hiền,
 Từ đây hai họ đều truyền :
 Bao nhiêu tả đạo đều nguyên đốt kinh.
 * * * Phút đầu quan Trấn hay tình,
 Đòi Hà Mậu tới hỏi mình mọi lời.
 Tuyết, Băng, hai gái nhờ trời,
 Cha con vầy hiệp mọi nơi vuông tròn,
 1670.-cho hay người cách nước non,
 Thác thời mất dấu, sông còn gặp nhau.
 Tần Khanh gạn hỏi đuôi đầu,
 Họ Hà thừa việc trước sau tỏ tường,
 Liền sai quan huyện Nam khương,
 Dạy Trần Đoan rước họ Dương đem về.
 Yển diên thết đãi phủ phê,
 Cùng nhau bàn luận mọi bề phải chăng.
 Việc trong trời đất, mấy tầng,
 Thấy đầu nói đó, nào từng có quên.
 1675.-Dương từ, Hà Mậu hai tên,
 Tần Khanh dâng sớ tâu lên cửu trùng.
 Tấn vương xem sớ lạ lùng,
 Chỉ đòi nội vụ thấy cùng lai kinh.
 Tần Khanh vâng chỉ lai kinh,
 Cha con hai họ sửa mình đều đi,
 Tấn vương ngự truiước đàn trì,
 Cho vào ra mắt một khi xem tường,
 Tả biên quì tấu họ Dương,
 Anh em Trần, Bửu, hai chàng tân khoa
 1680.-Hữu biên quì tấu họ Hà,
 Chị em Băng, Tuyết, nét na dịu dàng,
 Tấn vương phán trước ngai vàng,
 Dương Từ, Hà Mậu có công,

Chín Trời, mười Đất, đi thông,
 Tìm ra mỗi đạo, trong lòng mới an.
 bấy lâu chuộng thói dị đoan,
 Đến nay mới biết làm đường đi xa,
 Có lòng qui chánh, cải tà,
 Trời liền cho phước, sanh ra con hiền.
 1685.-Thêm giời hai chữ lương duyên,
 Song sanh đôi tốt, phỉ nguyên giải sang,
 Việc này giao lại Trần quan,
 Chủ hôn hai họ, ch an việc nhà,
 Con hiền là báu nước nhà,
 Đáng biên vào sử để ra khuyên đời.
 Tấn vương dụ xuống khắp nơi,
 Cấm theo đạo Phật, đạo trời, chẳng nên.
 Dụ rằng : "Đất dưới, Trời trên,
 "Giữa là kẻ thế, bốn bên Mọi, Lào,
 1690.-"xưa nay chẳng đặng hỗn hào,
 "Xứ ai nấy ở, loại nào nấy theo,
 "Coi công : lưỡng quốc tương triều,
 "Đường đi cách trở, hãy nhiều non sông.
 "Cớ sao mình ở nước Trung,
 "Lòng theo nước ngoại, còn mong đợi gì.
 "ông bà mồ mả bỏ đi,
 "Gốc mình chẳng kính, lại vì gốc ai ?
 1694.-"Cửa nhà làng xóm cách ngoài,
 "Phận gần chẳng đoái, đoái hoài phận xa,
 (Lược) 1699.-"Cứ theo một đạo nho ta,
 "Giữ câu lễ nghĩa, muôn nhà an vui."
 * * * 1700.-Tấn vương dụ xuống cấm rồi,
 Tàn Khanh dâng sớ xi hỏi Hà đông.
 Tấn vương ngự đến đền rồng,

Bạc vàng gấm vóc thưởng công Dương, Hà,
Làm thơ ngự chế ban ra,
Tặng cho hai họ vinh hoa một đời.
Thơ Tặng Dương Từ Chùa sãi nào hơn gã họ Dương,
Đi tu mà biết lẽ du phương,
Gậy thiền dầu tránh nơi tiên động,
Rượu lão đâu say chỗ Phật đường.
Thế tục lắm người con mắt thịt,
Phong trần mấy kẻ tấm lòng gương,
Việc trong trời đất : nên, hư, thấy,
Nào để dân ngu phải lỗi đường.
Thơ Tặng Hà Mậu Qua bếp nên khen gã họ Hà,
Năm đời còn biết lẽ ngay tà,
Ra đi chẳng nại đường trời đất,
Chớ lỗi câu nào việc mẹ cha.
Dối thói man di vì nổi trê,
Nghĩ ơn thủy thổ cám cho già,
Một người tìm đạo, muôn người thấy,
Bia để ngàn năm tiếng nước nhà,
Khiến nêu thơ ấy; hai người,
Có công giúp nước, để đời xem trông,
Hai người dựng biểu đền rồng,
Dem nhau về trấn hà đông rõ ràng,
1705.-Tần Khanh về kíp sai quan,
Ra Long môn quận sửa sang cửa nhà,
Dựng nên lương đồng một tòa,
Ơn vua sửa dựng, nêu ra cột cờ.
Tần Khanh liền luận ngày giờ,
Dương, Hà hai họ viết thơ đính kỳ,
Phu nhân lòng rất yêu vì,
Sắm cho hai gái vinh qui về làng.

Trong mình đã đủ nữ trang,
 Lại thêm của báu lệnh ban thiếu gì,
 1710.-Cửa nhà rục rở ai bì,
 Hai con vầy ở, đợi kỳ tổng hôn.
 Xui nên một huyền Long môn,
 Bà con nội ngoại khen đồn tiếng xa.
 Ngắm xem trong cửa họ Hà,
 Người sang khách trọng vô ra dập đầu,
 Trời trao lộc tốt làm nêu ở đời.
 Tới ngày tháng sáu hai mươi.
 Họ Dương sắm lễ, nhóm người nghinh hôn.
 * * * Nam khương qua đến Long Môn,
 Đường đi mười bữa, cầu hôn xa vời.
 Tần Khanh trước đã vâng lời,
 Kiệu tân rần rộ đến nơi họ Hà,
 Họ Dương lễ cưới họ Hà,
 Hai trai hai gái một nhà thành thân.
 Sánh đôi : Xuân Tuyết, Dương Trân,
 Thu Băng, Dương Bửu, cân phân vợ chồng.
 Đuốc hoa chén ngọc song song,
 Trướng loan gối phụng động phòng thêm xuân.
 1720.-Ba ngày liền mở tiệc mừng,
 Khắp nơi châu huyện đều dâng liễn đầy,
 Người lui kẻ tới đầy đầy,
 Gia tô, thầy sãi cũng vầy coi chơi,
 Cùng nhau bàn bạc một lời,
 Đã ưng bỏ đạo Phật, Trời, theo nho.
 Theo nho trên hưởng phước to,
 Phấn vua giời mặt nào lo phận hèn,
 1724.-Cho hay công ở sách đèn,
 Trái xưa nay cũng tiếng khen còn đời.

= HẾT =

Chú thích:

thẳng dùi: Dùi thẳng : không nhất quyết, không gắt chặt.

án: án của Tần khanh. Lời ở các câu dưới là lời của Tần Khanh nói.

rước mẹ: Mẹ của dương trần, dương Bửu.

Tiểu khoa: Đại đẳng khoa : đi thi ; tiểu đẳng khoa : cưới vợ.

miêng: đúng, rõ - giọng Nam đọc chữ mình ra miêng.

Vò vò nuôi nhện: Con vò vò làm ổ xong, đẻ trứng trong đó, rồi tìm con sâu mình linh (hoặc con nhện) bỏ vào ổ, bít ổ lại, để cho khi con nó nở ra, thì ăn con mình linh đó. Vì người ta quan sát lầm, tưởng rằng con vò vò nuôi con mình linh (hau con nhện).

Hai mươi bốn thảo<: Ở đây lẫn thì. Xem lời chú ở trước.

Cha phải cha: Cha phải cha, vua phải vua, vợ phải vợ, anh phải anh : là thích nghĩa câu "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử" của Khổng tử trong sách Luận Ngữ, thiên Nhan Uyên.

cây kiêu: cây cao cành ngẩng. Từ cây thấp cành rủ, ví cha con. **Minh lương:** Minh quân, lương tể.

Huân trì: hai đồ nhạc khí để thổi.

tiếp: hòa nhau, ăn rập nhau.

họ Tần: Băng Tuyết theo họ chja nuôi.

thi xuân: Xuân thi Tiến sĩ, thu thi hương.

á khôì: đậu bậc nhì dưới Trạng nguyên.

phong mộc: gió cây, cũng nói là phong thọ. Nhân câu nói của Cao Ngư "Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng; con muốn nuôi mà cha mẹ chẳng đợi".

tàn huyên: mẹ già.

vó câu qua cửa: bóng mặt trời chạy

dấu thỏ lên đèo: dấu thỏ lên đèo; bóng trăng xây.

thiên các: Thiên các nhất phương.

hiễn khảo: tiếng kính xưng cha đã qua đời.

ghì: kéo, níu vào.

gió chớp: gió từng chập, cây động từng hồi như chim chớp cánh.